Năm thứ hai — Số 44
Tuần lễ từ thứ tư 22 đến thứ ba 28 Avril 1942

tri tân

tạp chí văn-hoá ra hằng tuần

知新雜誌

TRONG SỐ NÀY :

Những sự lầm-lẫn trong văn-chương — LÊ-THANH
Truyện vua Đinh Tiên-hoàng (IV) — Ứng-Hoè Nguyễn Văn-Tố
Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ (XXII) — Ứng-Hòe
Những ông nghè triều Lê (XVII) — Nguyễn Văn-Tố
Sự nghiệp trước-thuật của cụ Trương Vĩnh-Ký — Long-Điền
Xứ Ai-cập và kênh-đào Suez (Thời đàm) — Nhật-Nham
Vua Lê Chiêu-Thống (Đoạn kịch bằng thơ) — Phan Khắc-Khoan
Những ngày «lịch-sử» trong tháng Avril (II) — Long Điền
Tường thuật cuộc diễn-thuyết về « Nghề xuất bản » — Phạm-Mạnh-Phan
Thoát cung vua Mạc (XVII) — Chu-Thiên
Vài thể văn khoa-cử xưa (I) — Hoa-Bằng
Cụ Nguyễn-Nghiễm — Văn Thạch
Kết-quả cuộc thi lịch-sử — Tùy hứng

RETOUR A L'ENVOYEUR

REVUE CULTURELLE HEBDOMADAIRE
156, RUE DU COTON, 156
HANOI

Bon pour Hanoi

GIÁ BÁO :
mỗi số 16 xu
1 năm 6$80
6 tháng 3.50
3 tháng 1 80
Ngoại quốc và công sở giá gấp đôi

Những sự lầm-lẫn trong văn-chương

LÊ-THANH

SAU những sự thay đổi lớn-lao ở Pháp và thuộc-địa — riêng ở nước ta cũng thế — những người, có tâm huyết đối với quốc-gia, lớn tiếng và rõ những sự lầm lạc về tư-tưởng và hành-động, những sự lầm-lạc đã đưa một phần quan-hệ thế-giới đến cái trạng-huống ngày nay.

Một việc xứng-đáng với sự chú ý của mọi người ở bất cứ một từng thang nào xã-hội.

Đem ra ánh-sáng những sự lầm-lạc để khỏi rơi vào đấy một lần thứ hai nữa. Sự đau thương mà nước Pháp vừa trải qua đã là một bài học phải mua bằng một giá quá đắt rồi.

∴

Nhân dịp này, tôi cũng muốn đem rã ánh-sáng một vài sự lầm-lẫn, không phải sự lầm-lẫn trong chính-trị, mà là sự lầm-lẫn trong văn-chương. Phải đem ra ánh-sáng để giả sự công-bằng lại cho những người đã bị thiệt-thòi vì những sự lầm-lẫn ấy.

Tôi muốn nói đến những quyển sách viết về xứ Đông-dương. Phải nói ngay rằng tôi không vơ đũa cả nắm, tôi chỉ nói riêng về những quyển sách không những không có giá-trị về văn-chương, mà còn có thể làm thương-tổn đến cái gì thiêng-liêng của những dân-tộc sống trên dải đất này.

Tại sao khi cầm bút, người ta chỉ có thể nêu lên những phong-tục — có khi chỉ có trong tưởng tượng của người viết sách — mục đích đem lại cho người đọc những cảm-tưởng không hay về những dân-tộc ấy.

Một người nhà quê vừa ngồi sưởi nắng vừa bắt rận được đem tả trong quyển sách có tô điểm gì thêm cho văn-chương cuốn sách?

Một người con gái, trong kỳ vừa phạm vào sự lầm lỗi đáng ghê-tởm nhất, còn cố quay guồng tơ để cha mẹ nằm trong nhà tưởng rằng ở ngoài không xảy ra việc gì cả. Cái « lớp tuồng » bỉ-ổi ấy được đem ra diễn lại trong cuốn sách có làm vinh-dự gì cho cái dân-tộc mà người con gái ấy là một phần tử?

Tôi không bịa đặt để vu khống một số người làm việc cho văn-chương. Thí-dụ sau này tôi lấy trong một quyển sách nhỏ viết về xứ Lào, nhan đề là KOMLAH của Roland MEYER (Xuất-bản ở Paris năm 1929).

Kỳ này tôi chỉ nói riêng về quyển sách ấy.

Tôi sẽ để một bên cái giá-trị văn-chương của quyển sách.

Tôi sẽ chỉ nói đến những sự bất công đầy-dẫy trong quyển sách, những sự bất công của một ngòi bút cực-kỳ tàn nhẫn.

Quyển sách đọc xong, còn lại cho chúng ta cái gì? Một vài ý-nghĩ không hay: Người Lào là gì? Một dân-tộc chìm đắm trong cuộc sống « xừ xừ... », kẻ thù của tiến-hóa.

Và người Việt-nam sang làm ăn bên Lào là gì? Một mớ cặn bã nhân-loại(déchet d'humanité)(1),là một tụi chết đói dở đáng thương (théorie de lamentables faméliques) (1), bỏ làng đi, không có giấy căn-cước, đến một nơi, ẩn ẩn hiện hiện, thỉnh-thoảng đóng thuế, đào cả đình chùa lấy gạch bán từng thước khối (augustes pierrailles que les envahisseurs — chỉ người Việt-nam — vendront au mètre cube)... (2).

Tôi không muốn viết gì thêm nữa. Ngòi bút của tôi đã mất hết sự bình-tĩnh thường ngày rồi.

Tôi muốn nghĩ-ngợi xa-xôi...

Tôi ước-ao một ngày gần đây tôi có dịp qua thăm Vientiane một lần nữa, Vientiane mà ở đấy tôi đã để biết bao nhiêu kỷ-niệm. Tôi sẽ theo con đường bộ số 13, Xiêng-khoang, Phu-khun, Luang-prabang, Vientiane.

Tôi ước-ao được thấy bên đường vắng, giữa một quãng rừng núi âm-u, một ngôi mộ của một tên phu vô-danh Việt-nam, khi sống, đã dự một phần rất nhỏ trong công việc đắp con đường ấy và đã, như một tên lính vô danh, bỏ mạng trong khi làm bổn-phận.

Đã từ bao nhiêu lâu, trên nấm mộ này không có một cánh hoa, một nén hương. Người ấy đã bị quên rồi, chỉ còn cái tấc đường ngắn ngủi, cái « sự-nghiệp » của hắn là còn mãi mãi.

Người phu Việt-nam này khi sống vẫn sống một đời cần-lao rất hiền lành và không hề đào đình chùa lấy gạch bán từng thước khối...

Hôm nay chính vì hắn mà tôi viết những giòng này.

Sự thiệt-thòi về tinh-thần, vì sự lầm-lẫn của nhà văn mà có, ngày nay phải mất hẳn đi. Tôi nhắc lại đây, chỉ là một sự thiệt-thòi về tinh-thần trong địa-hạt văn-chương mà thôi.

Nhà văn ta, nếu không thể đem ngòi bút để phụng-sự cái gì, cũng đừng dùng nó để làm những việc như nhà văn trên kia, thứ nhất là đừng đem nó ra để gieo ác-cảm giữa hai dân-tộc Nam-Lào, hai dân-tộc từ trước đến nay vẫn cần phải hợp-tác để làm việc cho sự thịnh-vượng chung của xứ Lào.

LÊ-THANH

1) KOMLAH trang 100
2) — — 101.

VÀI THỂ VĂN KHOA-CỬ XƯA

Số 1

HOA-BẰNG

XƯA kia, khoa-cử là một khuôn-vòng chặt-chẽ để Triều-đình kén lấy kẻ sĩ, mà cũng là con đường duy-nhất để sĩ phu xuất thân.

Những người tranh được khôi, giật được giáp, đạt được cái đích trí, trạch, hiền, dương : ấy là nhờ ở thể văn trường ốc.

Những ai lăn lóc theo ống quyển, lận-đận với gọng lều, rút cục « học đã sôi cơm nhưng chửa chín, thì không ngậm ớt thế mà cay » : ấy cũng vì lối văn trường-ốc !

Văn trường-ốc, có thể nói, khi như thiên sứ dắt người lên thiên đường, có lúc lại giống Satan lôi người xuống địa ngục.

Về phần cá-nhân, vinh vì nó, mà nhục cũng vì nó.

Về phần quốc-gia, cái cửa sống chết cũng dẫn đến từ nó.

Nước ta có khoa-cử bắt đầu từ đời Lý Nhân-Tông (1072-1127). Sử chép rằng : Năm Thái-ninh thứ tư (1075) bắt đầu lấy tam trường thi kẻ sĩ, lựa lấy những người minh kinh bác học, có Lê văn-Thịnh đỗ đầu (1).

Khoa cử kéo dài hàng ngót nghìn năm. Những người đã từng lạo đảo trường thi, nếm trải du mùi cay chua trong « chén » khoa cử, chắc ai cũng thâm thù lối văn trường ốc.

Còn những ai nhờ văn trường ốc mà được « ngựa anh trước, võng nàng sau », cô nhiên là tung hô khoa cử, ca tụng khoa cử.

Bấy lâu nhân soạn cuốn *Việt-nam văn học sử*, tôi đã từng khảo về những lối văn vần Trung hoa, tức là những lối vận văn như thơ phú từ Tàu truyền sang ta, mà đặt cho cái tên là « văn vần lai Tàu » (2).

Đến các thể văn khác trong cử nghiệp như *kinh nghĩa, chiếu, chế, biểu* và *văn sách*, v.v. tôi cũng định khảo để giới thiệu với các bạn trẻ nay những món văn cổ ấy đã bao phen choán hết đầu óc của sĩ phu toàn quốc xưa và in lại bao nét quan trọng trên trang sử văn học Nam-việt.

Thì một việc tình cờ xảy đến lại càng thúc giục tôi mau làm cho thành tựu cái ý định ấy.

Nguyên, mới đây, Tri-Tân có tiếp được, do một bạn đọc, ông Nguyễn văn-Thảo, gửi đến, một tập thơ văn, gồm bốn tả bản, của cụ Tạ ngọc-Tảo (3), một nhà nho đã từng trải qua lớp đại-tập, biết đủ mọi thể văn khoa cử và đã vào đến nhị trường.

Cảm vì lòng nhiệt thành của ông Thảo đối với Tri-Tân, cảm vì cảnh một nhà nho suốt đời vất vả, trải qua bao cuộc thất bại, đau đớn cả khu xác lẫn tinh thần, tốn bao tâm huyết mới để lại được tập văn ấy, nên mỗi thể văn, tôi xin trích lấy một bài, giới thiệu với bạn đọc cái thể thức từng lối văn xưa để gọi là góp tài liệu vào kho văn học và để yên ủi tiềm linh một nhà nho đã từng điên đảo vì khoa cử.

Còn tôi, trong bài dài này, vẫn đóng vai làm việc khảo cứu và thuyết minh từng thể văn một.

Khi trưng dẫn bài nào của Tạ tiên sinh, tôi xin chua rõ tên của tác giả, nhưng không phê-bình vì, ở đây, tôi chỉ muốn đứng về mặt khảo cứu mà giới thiệu một vài thể văn khoa cử xưa.

Ở ta, khoa cử tuy có từ đời Lý, nhưng đến đời Trần Anh-Tông, niên hiệu Hưng-long thứ mười hai (1304) mới thấy nói đến phép thi Thái-học-sinh : Trước hết, bắt ám tả *Mục thiên-tử truyện* (4) và *Y-quốc thiên* (5) để đào thải bớt đi cho đỡ bộn (đệ nhất trường) ; thứ đến thi *kinh nghĩa* (6), *kinh nghĩa* và *thơ phú* (7) (đệ nhị trường) ; lại thứ đến *chiếu, biểu* (đệ tam trường) ; cuối cùng thi một bài văn *sách* để định thứ tự cao thấp (đệ tứ trường) (8).

Về thể thơ phú, tôi đã nói kỹ trong *Việt-nam văn học sử* đăng ở Tri-Tân số 10 và số 14 rồi, nay chỉ xin khảo về những thể văn như *kinh nghĩa, chiếu, biểu, văn sách*, v.v. thôi.

Kinh-nghĩa

Lối văn kinh-nghĩa bắt đầu từ đời nhà Tống (960-1127), vì nhà Tống, trong thể-lệ thi, có một món là lấy kinh-văn làm đầu đề, khiến sĩ-tử giảng-giải và mở rộng nghĩa ra, nên mới gọi là *kinh nghĩa*. Đến nhà Minh (1368-1644), nhà Thanh (1644-1911) cũng vẫn noi theo lối đó, nhưng thể-tài hơi khác.

Sở dĩ nó được kêu là *văn bát cổ* (tám vế), là vì từ niên-hiệu Minh Thiên-thuận (1457-1464) trở về trước, văn kinh-nghĩa tuy phải làm cái công-việc là phu-diễn lời truyện-chú như trên đã nói, nhưng hoặc viết đối nhau, hoặc viết văn xuôi, không bị bó-buộc theo thể-cách nhất-định. Đến đời Minh Thành-hóa (1465-1486), nhân một khoa thi hội, người ta đặt ra thể-cách về kinh-nghĩa, nào *phản*, nào *thánh*, nào

hư, nào *thực*, nào *thiển*, nào *thâm*... Cái thể-chế *bát cổ* mới thật thành-lập từ đó.

Ngoài cái tên tục gọi là *bát cổ* ra, *kinh-nghĩa* còn có những tên khác như *chế-nghệ* và *thời-văn*. Trong *Cổ xúy nguyên-âm* (9), cụ Đông-Châu còn gọi là « *tịnh nghĩa* » nữa.

Ở nước ta, đời Trần, thi *kinh nghĩa* vào kỳ đệ nhị. Đến triều-đại sau, lại để kinh nghĩa vào kỳ đệ nhất, nên ta có tiếng thành-ngữ « bay kinh-nghĩa » là chỉ vào những ai thi hỏng ngay từ đệ nhất trường.

Kinh-nghĩa là một lối văn khuôn-sáo hẹp-hòi, vì sĩ-tử thường theo chú-giải của các tiên-nho mà nhích nghĩa hay giảng rộng ra dưới cái đầu bài do trường ốc ra cho bằng một hai câu trong Kinh, Truyện...

Khi làm, cần phải nhận xét đầu đề cho tinh, đầu đề ra lời người nào thì phải làm giả như lời người ấy, cứ dàn bài dần dần và chia ra từng đoạn một.

Phá đề là một hai câu đầu mở toang cho vỡ cái ý đầu bài.

Thừa đề là ba bốn câu tiếp theo ý trên, phớt qua nghĩa đầu bài bằng những lời mình tỏ ra.

Khởi giảng là một đoạn ngắn mà người viết văn phải tùy theo lời nói của «vai trò» trong đầu bài mà khơi gợi giảng giải dần ra. Nếu cùng một bài mà chia ra hai ý, hai việc, thì đoạn khởi giảng này không được phạm đến ý ở dưới.

Khai giảng là đoạn tuy mở ý giảng vào bài, nhưng hãy còn nói bóng bẩy, chứ chưa nói rõ.

Từ đoạn này trở xuống có hai câu *song quan*, phải làm đối nhau.

Trung cổ hoặc *thượng tị* phải thích thực cho rõ ý đầu bài.

Hạ cổ hoặc *hậu cổ* hoặc *hạ tị*, phải bàn giải cho rõ nghĩa đầu bài, có khi nói trái đầu bài một chút, có khi đặt thí dụ hay thấn sự tích vào cho thêm rộng ý của đầu đề.

Kết cổ là hai vế cuối cùng, đặt ngắn, thế là xong cả *tám vế*.

Thúc đề hoặc *kết vĩ* tức là một câu đóng ở cuối bài để tỏ ra đến đó là hết.

Khi làm kinh nghĩa, nếu dùng điển-cố thì phải tìm chữ ở đời đó trở về trước, nếu là đầu bài ra bằng tục ngữ ca dao thì lại phải dùng ca dao tục ngữ mới mật thiết.

Dưới đây, tôi xin trưng dẫn một bài kinh nghĩa của Tạ tiên-sinh :

ĐẦU BÀI. — *Dạy con từ thủa lên ba ;*

Dạy vợ từ thủa bơ-vơ mới về.

CÂU PHÁ. — *Yêu mà chẳng dạy, ắt sinh lồng-hồng vậy.*

CÂU THỪA. — *Ôi, tình rất thân gì bằng vợ con ? Lúc trẻ, lúc mới, dạy ngay ; về sau hẳn không lồng-hồng nữa.*

KHỞI GIẢNG. — *Ý nhời cổ-ngữ nghĩ rằng : Hiếu-thuận tuy khác mọi đường, dễ được cả đôi cho trọn-vẹn ? Thân yêu vốn cùng một nhẽ, há không tìm cách cho vững-bền ? Phải lo-lắng từ trước, mới đành lòng trông cậy vậy. Nghĩ nỗi ấy, càng nên lưu tâm đó.*

KHAI GIẢNG. — *Trẻ con dễ uốn, đương độ ấy mà chẳng gia tâm vin-nắn, chẳng kẻo khôn cả chi gẫy cành (10). Củ sâu khó đào, đến bấy giờ mà cố ý tìm tòi, còn đâu phải thì mà bở-bãi (11). Vậy nên dạy con từ thủa lên ba, dạy vợ từ thủa bơ vơ mới về.*

TRUNG CỔ. — *Đang thủa ngây thơ, trẻ nào chẳng sẵn tính thiện (12) ? Nếu nuông dưỡng mà ngơ đi, tính thiện ấy sẽ biến thành ra ác. Làm cha mẹ thường phấp-phỏng điều ấy. Ngủ có chừng, ăn có mực, nết na nào đã biết đâu ; gọi thì dạ, bảo thì vâng, lễ-phép chưa từng phải học. Đương lúc thỏ thẻ (13) mà bắt nét vào khuôn, rồi ra hơn một ngày, hay một trước, biết dắt quit mà để phân (14), ắt hẳn biết nhường lê (15) ư lúc khác. Mới hay ăn vóc học quen, cũng bởi mẹ cha chi sớm liệu.*

— Đến khi khôn nhớn, gái nào chẳng có tính ghen (16) ? Nếu nề nang mà chẳng nói, tính ghen ấy

Tầm nguyên Từ-điển

của LÊ VĂN HÒE

Tựa của NGUYỄN VĂN NGỌC, TRẦN TRỌNG KIM

Giá 2p80

« . . . Ce n'a pas été de faire de son dictionnaire un trop grand éloge que de l'appeler un bon instrument de travail... A ceux qui nierdient les progrès réalisés dans la lexicographie annamite depuis le jour où Paulus Của publiait son dictionnaire Đại-Nam Quốc-âm tự-vị, on pourrait hardiment opposer le nouvel ouvrage de M. Lê văn Hòe

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN TỐ

Annam Nouveau du 22-3-42

Thư và ngân phiếu đề

M. LÊ VĂN-HOÈ giám-đốc QUỐC-HỌC THƯ-XÃ, *16bis Tiên Tsin* HANOI

sẽ trở nên khó chiều. Lắm phu-quân thường băn khoăn nỗi ấy. Chiều bề trên, dong bề dưới, ở ăn hồ dễ vừa lòng ; canh cho ngọt, cơm cho lành (17), thành kính sao cho tron đạo ? Đương lúc mới-me, mà dặn dò mọi nhẽ, rồi ra hương càng đượm. lửa càng nồng (18), biết ngang mày mà bưng án (19), ắt cũng nghĩ cho bú (20) ư ngày sau, mới biết tề gia nội trợ cũng do anh chồng chi sớm toan.

HẠ CỔ — *Đời có kẻ coi bố mẹ như người dưng nước lã, đến nỗi thở những điều oán-hận chi ngôn ! Sao chẳng nghĩ công cha như núi Thái-sơn, công mẹ như nước trong nguồn chảy ra ? Chẳng đau chẳng xót, lại ra điều chửa vỡ bọng đã đòi bay (21), sao chẳng hiểu con dại cái mang chi lý ? Cha dạy con dốc lòng hiếu thảo, kìa quạt nồng ấp lạnh đã biết gì, này gần mực thì đen, gần đèn thì sáng (22), ra đường ra ngõ phải nghe nhởi vú chi dỗ-dành. Khát thì đòi uống, đói thì đòi ăn, chớ có ăn sống nuốt tươi, e nỗi quít cam chi tốn thuốc.*

— *Đời có kẻ tưởng chồng như ăn sôi ở thì, đến nỗi giở những thói chua ngoa chi tê. Sao chẳng nghĩ khôn-ngoan cũng thể đàn bà, tuy là vụng dại cũng là đàn ông ? Chê ỏng chê eo, lại ra sự bắt được chân lân đến cổ (23), sao chẳng suy xấu chàng ai hổ chi cơ ? Anh khuyên mình giữ đạo thuận tòng, kìa sửa túi nâng khăn chưa nói đến, này đói thì cho sạch, rách thì cho thơm(24), gần họ gần hàng, chớ lộ nhân tình chi kia khác. Biết thì thưa thốt, chẳng biết thì dựa cột, cho nên giây cà giây muống, sợ hoặc ong ên chi lắm điều.*

THÚC KẾT. — *Này vợ, này con : tại gia tòng phụ, yêu con mới cho vọt cho roi ; xuất giá tòng phu nể vợ mới dỗ ngon dỗ ngọt. Nhớ đấy !*

---

1) Khâm định Việt-sử thông - giám cương mục, chính biên, quyển III, tờ 33b — 34a.

2) Coi Tri-Tân từ số 10.

3) Người làng Lộc-dơ, tổng La-phù, phủ Thường-tín, tỉnh Hàđông.

4) Một thứ sách thuộc loại tiểu thuyết rất cổ của Tàu trong nói về việc vua Châu Mục-Vương đi tây. Sách này gồm có sáu quyển, được phát kiến từ đời nhà Tấn và do Quách-Phác chú giải.

5) Quốc-sử chua rằng không rõ thiên *Y quốc* này ở sách nào, mà chúng tôi tra trong *Từ-nguyên* cũng không thấy nói đến.

6) Hỏi những nghĩa ngờ trong kinh.

7) Thơ dùng lối ngũ ngôn trường thiên ; phú dùng thể phú tám vần.

8) *Cương mục, chính biên*, quyển VIII, tờ 41b — 42a.

9) Cuốn thứ nhì, trang 93. Sách này in tại Đông-kinh ấn-quán, 1918.

Từ đây trở xuống là lời chua của cụ Tạ Ngọc-Tảo :

10) Tục ngữ : bé chẳng vin, cả gẫy cành.

11) Bỏ bãi chẳng bằng phải.

12) Chữ nho là : nhân chi sơ, tính bản thiện.

13) Thỏ thẻ như trẻ lên ba.

14) Tục Tích nhà Hán cần bó, đi ăn cỗ đất quả quít vào tay áo để phần bố mẹ.

15) Khổng-Dung lên bốn, biết nhường lê cho anh.

16) Ở nào là ở chẳng cay, gái nào là gái chẳng hay ghen chồng.

17) Tục ngữ : Cơm chẳng lành, canh chẳng ngọt. Ý nói nàng dâu đần độn.

18) Câu truyện Kiều nói vợ chồng yêu nhau.

19) Nàng Mạnh - Quang kính chồng, bưng cơm giơ ngang mày.

20) Nàng Thôi-phụ cho mẹ chồng bú.

21) Tục ngữ.

22) Tục ngữ.

23) Tục ngữ Ý nói bắt nạt chồng.

24) Tục ngữ.

Đón xem

LOẠI SÁCH

QUÊ HƯƠNG

I

Trần Can

kèm thêm

(LÝ CHIÊU-HOÀNG)

Vở kịch dài đầu tiên bằng thơ trong thi giới Việt nam.

Đã diễn ba lần (Thanh hóa 3-2-40, Bắc-ninh 25-3-40, Vinh 8-2-44) kết quả đều rất rực rỡ. Một thi phẩm tuyệt tác (Hải Triều)

của

PHAN-KHẮC-KHOAN

người đầu tiên chuyên viết kịch bằng thơ theo sự tích của quê-hương đất nước.

RƯỢU

Duboquina
Le Bateau
Cam Xã-Doài
Ngũ - gia - Bì
Alcools médicamenteux

Chế bằng quinquina, jentiane và quả tươi.

Hiệu Ngọc Hương *48 phố Sinh-từ Hanoi*

Tổng phát hành Bắc-kỳ.

Nhà chế tạo : **Đào-Viên**, *117 Maréchal Foch Vinh.*

Sự-nghiệp trước thuật của cụ TRƯƠNG VĨNH-KÝ (1837—1898)

Trong 31 năm cụ trước-thuật được 118 pho sách, tính trung-bình mỗi năm làm được từ 3 đến 4 quyển

LONG-ĐIỀN

CỤ TRƯƠNG VĨNH-KÝ là một danh-nhân của nước ta và cả thế-giới (thế-giới thập bát văn-hào, cụ Trương Vĩnh-Ký đứng thứ 17), về thế kỷ thứ 18 Thân-thế và công-nghiệp, tài-năng và phẩm-giá của cụ, nhiều báo sách nói tới rõ-ràng, song chưa thấy mấy ai kê rõ các sách của cụ trước-thuật để nêu thêm một tấm gương sáng cho hậu-thế, và để làm tài liệu cho quyển *Nam-Việt văn-học sử* sau này.

Chúng tôi để ý sưu tầm đã lâu, may được ông bạn Thọ-Xuân ở Bến-tre Nam-kỳ giúp sức, đã tìm được một bản kê các sách của cụ trước-tác và dịch-thuật.

Xét qua những số sách của cụ trước-thuật, trong một khoảng 31 năm trời, tính từ quyển đầu tiên vào năm 1867, không kể những bài đăng báo, lại không kể những công-việc hằng ngày như dạy học ở trường Thí-sai (Collège des stagiaires), là trường dạy những người Pháp tập làm các chức quan-lại ở Nam-kỳ đời bấy giờ, và chủ trương tờ báo quốc-văn « *Gia-định báo* », cụ đã trước-thuật được 118 quyển sách, vừa là sách phổ-thông, vừa là sách nghiên-cứu về sử-học và ngữ-học Tính trung-bình, mỗi năm từ 3 đến 4 quyển và chuyên làm trong 31 năm.

Như vậy, thật là chuyên-cần và kiên-nhẫn. Sau cụ, đến nay trong nước ta, thực chưa đã có ai theo kịp cái thành-tích lớn-lao rực-rỡ đó.

1) Năm 1867 — *Abrégé de grammaire annamite.*

2. *Năm 1867 — Contes annamites Truyện đời xưa.*

3. *Năm 1868 — Cours pratique de langue annamite à l'usage du Collège des Interprètes*

4 *Năm 1872 — Grammaire française... Mẹo luật dạy tiếng Langsa.*

5. *Năm 1885 — Petit cours de Géographie de la Basse-Cochinchine.*

6 *Năm 1885 — Kim Vân Kiều — Poème transcrit pour la première fois en quốc-ngữ avec des notes explicatives précédé d'un résumé succinct du sujet en prose et suivi de quelques pièces de vers relatives à la même histoire*

7. *Năm 1885 — Histoire annamite en vers — Đại-nam sử-ký diễn ca.*

8. *Năm 1885 — Cours de langue annamite (autographié).*

9. *Năm 1885 — Cours de langue mandarine ou de caractères chinois autographié.*

10. *Năm 1876 — Sách vần quốc-ngữ.*

11. *Năm 1876 — Sử-ký Nam-việt.*

12. *Năm 1876 — Sử-ký Trung-hoa.*

13 *Năm 1876 — Tứ thư bằng chữ Hán và chữ Quốc-ngữ* (in thạch bản).

14. *Năm 1877 — Sơ-học vấn tân — Rertoire pour les nouveaux étudiants en caractères chinois.*

15. *Năm 1879 — Cours d'Histoire annamite en 2 volumes.*

16. *Năm 1881 — Chuyện đi ra Bắc-kỳ năm Ất-hợi (1876).*

17. *Năm 1881 — Retraite et apothéose de Trương-Lương.*

18. *Năm 1882 — Trương Lưu-Hầu phú.*

19. *Năm 1882 — Saigon d'autrefois.*

20. *Năm 1882 — Saigon d'aujourd'hui.*

21. *Năm 1882 — Chuyện khôi-hài,*

22. *Năm 1882. — Kiếp phong-trần* (in lần thứ ba)

23. *Năm 1882 — Fais ce que dois, advienne que pourra.*

24. *Năm 1882 — Nữ-tắc* (in lần thứ hai).

25. *Năm 1882 — Thơ dạy làm dâu.*

26. *Năm 1882 — Défauts et qualités des filles et des femmes.*

27. *Năm » — Les convenances et les civilités annamites.*

28. *Năm 1883 — Guide de conversations annamite-français*

29. *Năm » Maître et Elève sur la grammaire française.*

30. *Năm » — Ecole domestique ou un père à ses enfants.*

31. *Năm » — Bài Hịch con quạ.*

32. *Năm » — Thạnh suy bĩ thái phú.*

33. *Năm » — Un lettré pauvre — Hàn nho phong vị phú.*

34. *Năm 1884 — Grammaire de la langue annamite.*

35. *Năm » — Tam tự kinh.*

36. *Năm » — Sơ học vấn tân.*

37. *Năm » — Mắc cám từ — La dingue.*

38. *Năm » — Jeux et opium.*

39. *Năm » — Ngư Tiều trương điếu.*

40. *Năm » — Huấn mông ca — Transcription et traduction en annamite et en français.*

41. *Năm 1886 — Conférence sur le souvenir historique de Saigon et ses environs.*

42. *Nam » Cours de la langue annamite aux Européens — Phraséologie, Thèmes, Versions.*

43. *Nam » Cours d'Annamite aux Elèves Européens — Explications du Lục-vân-Tiên.*

44. *Năm » — Prosodie et Versification Annamite — Cours d'Annamite aux Elèves Annamites.*

45 *Năm » — Cours d'Annamite aux Elèves Annamites — Explication du Lục vân Tiên.*

46. *Năm » — Kim vân Kiều en prose — Converti et commenté en langue vulgaire pour les élèves annamites.*

47. *Năm » — Théâtres, Comédies, Chansons Annamites — Cours aux Elèves Annamites.*

48. *Năm 1887 — Cours en caractères chinois, 2è Année — Explications du Mencius, Thèmes, Versions et expli*

cations des pièces officielles.

49. Năm 1887 — Vocabulaire des mots usuels, Noms et termes techniques, scientifiques et administratifs

50. Năm » — Tam thiên tự giải nghĩa.

31. Năm » — Résumé de la chronologie de l'Histoire et de la production de l Annam en tableaux synoptiques.

32. Năm » — Précis de géographie

53. Năm » — Les six animaux domestiques — Lục súc.

54. Năm » — Dispute de mérite entre les six animaux domestiques — Lục súc tranh công.

55. Năm » — Alphabet francais pour les annamites.

56 Năm 1888 — Miscellanées ou Lectures instructives pour les Elèves des Ecoles et les Familles — Publications mensuelles brochées en 2 volumes.

57. Năm » — Đại-nam tam thập nhứt tỉnh thành đồ.

58. Năm 1889 — Quatre livres classiques en caractères chinois et en annamites — Đại-học, Trung-dung.

59. Năm » — Lục vân tiên.

60. Năm » — Phan Trần.

61. Năm » — Cours de Siamois.

62. Năm » — Grand Dictionnaire Annamite-Francais.

63. Năm » — Đại-nam tam thập nhứt tỉnh địa đồ.

64. Năm 1890 — Cours de Cambodgiens Ecritures et Langue.

65. Năm » Vocabulaire du Cours d'Annamite.

66. Năm » — Vocabulaire du Cours de caractères chinois.

67. Năm 1891 — Cours de littérature chinoise.

68 Năm » — Cours de littérature annamite.

69. Năm » — Programme général d'Etudes dans les Ecoles annamites.

70. Năm 1891 — Modèles des pièces officielles et administratives en caractères.

71. Năm » — Généalogie de la Famille de P. Trương-vĩnh-Ký.

72. Năm 1892 — Sĩ viên gia thao.

73. Năm 1893 — Cours de langue Malaise.

74. Năm 1894 — Cours d'Annamite parlé (vulgaire).

75. Năm » — Grand dictionnaire Francais-Annamite.

76. Năm » — Grammaire de la langue chinoise.

77. Năm » — Mẹo tiếng Annam.

78. Năm » — Langage de la Cour en Extrême-Orient.

79. Năm » — Vocabulaire francais-malais.

80. Năm » — Guide de la Conversation Malaise-Francaise.

81. Năm » — Vocabulaire Francaise-Cambodgien.

82. Năm » — Guide de la conversation Cambodgienne-Francaise.

83. Năm » — Vocabulaire Français-Siamois.

84. Năm » — Guide de la conversation Siamoise-Française.

85. Năm » — Cours de langue Birmane.

86. Năm » — Vocabulaire Birman-Français.

87. Năm » — Guide de la conversation birmane-francaise.

88. Năm » — Cours de Clampois.

89. Năm » — Vocabulaire Français Clampois.

90. Năm » — Guide la conversation clampoise française.

91. Năm » — Cours de langue laotienne.

92. Năm » — Vocabulaire laotien-français.

93. Năm » — Guide de conversation laotien-français.

94. Năm » — Cours de langue Tamoule.

95. Năm » — Vocabulaire Tamoule-francais.

96. Năm » — Guide de conversation tamoul-français.

Quốc-gia Cách-mệnh chỉ là con số cộng những sự thắng lợi cỏn con, mà vì công-ích, chúng ta đã phải đánh nhau với ích-kỷ, tập-quán và nhất là thời bài bác, nói láo nói lếu.

97. Năm » — Cours de langue indoustane.

98. Năm » — Vocabulaire indoustan-français.

99. Năm » — Guide de conversation indoustane-française.

100. Năm » — Minh tâm — Le précieux miroir du Cœur en 2 volumes.

101. Năm » — Cours de géographie générale de l'Indochine avec cartes générales et particulières en 6 parties: 1° La Cochinchine Française, 2 L'Annam central, 3° le Tonkin, 4° le Cambodge, 5° Le Siam et 6° la Birmanie.

102. Năm » — Cours d'Annamite écrit (mandarin ou caractères chinois)

103° Năm » — Mencius — Mạnh-tử.

104. Năm » — Luận-ngữ.

105. Năm » — Dictionnaire Chinois-Francais-Annamite.

106. Năm » — Annam politique et social.

107. Năm » — Dictionnaire biographique annamite ou De Viris illustribus regni Annamitici.

108. Năm » — Flore annamite.

109. Năm » — Produits de l'Annam

110. Năm » — Dictionnaire géographique annamite.

111. Năm » — Les droits de l'Annam dans la vallée du Mékong (Mémoires sur).

112. Năm » — Recueil des chansons populaires annamites.

113. Năm » — Recueil d'oraisons funèbres annamites.

114. Năm » — Recueil de pièces de inédites annamites.

115. Năm » — Sujets historiques des poèmes annamites.

116. Năm » — Etude comparée sur des langues, écritures, croyances et religions des peuples de l'Indochine.

117. Năm » — Combinaisons des systemes d'écriture géographique, hiéroglyphique, phonétique alphabétique.

118. Năm » — Etude comparée des langues et des écritures des trois branches linguistiques.

Chúng tôi khảo cứu mới biết được có 118 quyển như trên, chưa chắc đã là đầy-đủ. Vậy mong các bực cao-tài bác-học trong nước, vị nào thấy lầm sót, xin vui lòng chỉ giáo cho. Thật là vạn hạnh.

LONG-ĐIỀN

Kỳ thi Sơ-học pháp viết sắp tới

Các giáo viên nên cho học trò luyện thêm ở quyển

82 BÀI LUẬN QUỐC-VĂN

của ông Giáo Nguyễn Đức-Bảo soạn

mới in lại lần thứ 2, giá 0p.40 — cước 0p 10
Đề cho Đông-tây thư quán, 195 hàng Bông, Hanoi

TRUYỆN VUA ĐINH TIÊN-HOÀNG (968-979)

Bài nối

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

XV. — Sự-tích Lê-Hoàn

Hôm sau sẩy thấy Lê-Hoàn (1),
Quê trong Phủ-lý, ở ngàn Thanh-liêm (2).
Cha là Lê-Mịch chẳng hiền,
Mẹ là Đặng-thị, hợp duyên vợ chồng.
Vui thay giữ đạo tam tòng,
Vốn lòng kính tín, chẳng lòng tà-gian.
Chút chẳng có sự loạn đan,
Vui bề cày cấy, dưỡng nhàn thú quê.
Đặng-thị đức hạnh dụng nghi,
Thế ắt khôn bì, người ắt khôn phen.
Lấy nhau vừa đặng đôi niên,
Phúc đức người trước để truyền đời sau.
Thu về nguyệt lặng giời thâu,
Nàng vừa mới giấc ban đầu canh hai.
Bỗng cơn tốn-nhị đưa mùi,
Thoảng đâu bảng-lảng gió giời đưa hương.
Chiêm-bao thấy sự lạ nhường,
Bỗng đâu sen nở vào nương nang rày.
Bên liền bẻ lấy cầm tay,
Cho chúng ăn ray, mình lại miệng không (3).
Từ ấy nhẫn động thai cung,
Nguồn đào nước chẳng thấy thông thái hồ.
Đến kỳ mãn nguyệt sinh ra,
Trên giời mây phủ, dưới nhà hương xông.
Được một nam-tử lạ-lùng,
Mày Nghiêu lồ-lộ, mặt rồng hây-hây.
Cô dì mừng bảo rằng: « Nay,
« Sau ắt người này chủ họ nhà ta.
« Toàn gia cùng được vinh-hoa ».
Nào hay song bóng nên nga nhỡn tiền.
Nhớn lên trí ngỏ tài hiền,
Ra danh hào-kiệt, kết nguyền trượng-phu.
Thấy đời rắp đuổi loạn Ngô,
Đem binh tử-đệ đến thờ Đinh-công.
Thảo-ngay khuya sớm một lòng,
Vạc thang chẳng chạy, gai chông chẳng hiềm.
Đinh-hoàng yêu đãi trọng quyền,
Binh nấy muôn nghìn giữ cõi hải-biên.

XVI. — Đinh-Bộ-Lĩnh thay quyền Trần Minh-công

Đinh-hoàng từ được Trần-quyền,
Đức muôn vỗ chúng, ơn nghìn trị dân.
Nào đâu là chẳng xưng thần?
Nào đâu là chẳng đội ơn đào-đời?
Tựa nhường vàng Phố mây trôi,
Một giời gió dậy, chín giời cũng thanh.
Dân mừng ca ngợi song sinh,
Tượng giời hẳn mở thái-bình từ đây.
Từ ấy uy động tiếng bay,
Càng năm càng nhớn, càng ngày càng xa.
Người đều dìu-dắt trẻ già,
Nức lòng tìm đến cùng hòa làm tôi.
Sứ-quân ai nấy nghe hơi,
Rằng Trần dưỡng-tử có tài đem binh.
Tính thôn lòng ắt đã đành,
Chước tung biết mấy, chước hoành kể muôn.
Ra tài tảo đãng kiền-khôn,
Cõi bờ sắm-sửa nước non về cùng.
Ngẫm thời Chu-mạt chiến-phong,
Xuân-thu chưa dứt, thất hùng đã ra.
Cùng nhau gìn-giữ quan-hà,
Phòng tuần tước đoạt để hòa ngự coi.
Trần-công tuy chửa có giai,
Cậy rể có tài, xem vững mười con.
Tuần này cơ-nghiệp càng bền,
Chẳng lo chếch-lệch, chẳng phiền nỗi-nông.
Chước Trần đã nên anh-hùng,
Bảo toàn mình lại vẹn công họ-hàng.

XVII. — Trần Minh-công tạ thế

Tuổi nhiều già lẫn có thường,
Người nhân tật nặng, long-sàng giối-giăng.
Vời Đinh-hoàng lại dặn rằng:
« Cơ-hội này chớ dùng-dằng làm chi.
« Trượng-phu công-nghiệp có kỳ,
« Giời cho chẳng lấy lại thì ăn-năn.
« Bay đòi thập-nhị sứ-quân,
« Tài bé chẳng trí kinh-luân trong đời.
« Già xem chẳng có hai nuôi,
« Chớ lòng trẻ nấy, tới người khác toan ».
Thôi bèn thoắt nhắm trong màn,
Đinh-hoàng ấp lấy, khóc than ngùi-ngùi.
Nhớ công nuôi-nấng hôm mai,
Sinh dùng nghĩ thác, biết đời nào quên.

XVIII. — Đinh Bộ Lĩnh dẹp yên mười hai sứ quân

Sắm-sanh trợ-táng vừa yên,
Đinh-hoàng truyền lệnh quân quan ra đời.
Chữ rằng: xuân bất tái lai,

Một ngày há có hôm mai hai lần ?
Ai ai hiến sách đầy sân,
Thành nhân quả quyết, bại nhân dùng-dằng.
Tôn Đinh là Bách-thắng vương (4),
Sửa-sang thuyền bộ mở-mang cõi bờ.
Binh ra thuận gió thuận mưa,
Thiên-thời địa-lợi, nhân-hòa dưới trên.
Lũy nào lũy chẳng phá tan,
Giặc nào giặc chẳng lo toan về đầu ?
Lấy thành như thể hái rau,
Khác nào mãnh hổ xông vào đàn dê.
Bắc nam mảng tiếng tìm về,
Kinh rền oai sấm, dậy he hơi hùm.
Những loài tốn áo hao cơm,
Khi rồi nói lý, khi làm sun tay.
Thấy binh kéo đến chạy ngay,
Lấy mình làm trọng, lấy thày làm khinh.
Giang sơn rừng núi quét thanh,
Sứ-quân thập-nhị, phá manh làu-làu.
Kẻ thì thua trận xuống đầu,
Kẻ thì lão tử, kẻ âu trầm mình.

XIX. — Đinh đô, xưng nước, sắp đặt triều-đình.

Nhẫn đành nước chẳng đao binh,
Loan-xa thánh-giá về thành Hoa-lư.
Lấy làm thang-mộc định đô,
Lên ngôi bảo-vị, làm vua trị đời.
Nước xưng Đại-cộ nối giời (5),
Xây thành lập lũy, trong ngoài sửa-sang.
Lại xưng Đại-thắng thiên-hoàng,
Định quan văn võ, sắp hàng triều-ban.
Lệ triều thượng-quốc sáng quan,
Chọn tài báo-sinh khôn-ngoan thố-từ.
Binh đặt có vệ, có cơ,
Một ngũ một cờ, một hiệu một voi.
Bặc, Điền, Lưu, Trịnh bốn người,
Tước phong thái-úy, chức ngồi quốc-công.
Hoàn cai thị-vệ triều trong,
Kỳ dư định thứ, phân phong trong ngoài.
Mừng thay quốc trị lâu dài,
Thư son khoán sắt, chép đời tôi con.
Nhẫn dầu bể cạn non mòn,
Công nghiệp hãy còn, con cháu hãy vâng.
Thiên-hạ mừng thấy thái-bình,
Thăng-hằng chúc thánh, cương-lăng trị đời (6)
Khôn thay máy nhiệm ở giời,
Sấm bèn thấy đọc miệng loài tiểu-nhi.
Sấm rằng : « Đỗ-Thích thì Đinh Đinh,
« Lê-gia xuất thánh minh ».

Tiếp-lục vân : « Thái-bình ngũ niên hữu thử sấm ngữ. » (7) *(Còn nữa)*

(Trích ở quyển *Thiên-nam ngữ-lục ngoại-kỷ*, sách viết bằng chữ nôm của Trường Bác-cổ, số AB 478, tờ 64 b. — 66 b.)

1) Lê-Hoàn làm thập đạo tướng-quân cho nhà Đinh, sau làm phó-vương, rồi lên ngôi vua (từ năm 980 đến năm 1005, đặt hiệu là Lê Đại-Hành, đóng đô ở Hoa-lư, thọ 65 tuổi (941-1005)

2) *Đại-Việt sử-ký* (bản-kỷ, quyển 1, tờ 19b) chép « Lê Hoàn là người làng Bảo-thái, huyện Thanh-liêm, không phải là người châu Ái. Cựu-sử chép châu Ái là nhầm». Ấy thế mà vẫn có sách chép là châu Ái, như quyển *Table chronologique des dynasties annamites* của ông L. Cadière đăng trong tập kỷ-yếu của Trường Bác-cổ, quyển V, trang 85.

3) Chuyện chiêm-bao I mà *Đại-Việt sử-ký* (bản-kỷ, quyển 1, tờ 19a) cũng chép như thế này : « Cha Lê-Hoàn tên là Mịch ; mẹ họ Đặng, trước khi thụ thai, mộng thấy trong bụng sinh hoa sen, một chốc kết quả, cầm lấy chia cho người ta, mình không ăn. »

4) Sử chép là Vạn-thắng vương, không chép là Bách-thắng vương nhưng nghĩa cũng như nhau. Chữ nho có câu « bách chiến bách thắng », nghĩa là trăm trận đánh trăm trận được, Do chuyện Hạng-vũ đánh nhau với Bái-công, trận nào cũng được (*Bồ-chính thiếu-vi*, quyển 3, tờ 86a).

5) Ở câu này phải đọc là Đại-cộ, không đọc là Đại-cồ. Quyển *Khang-hi tự-điển* chua cả hai âm : cộ với cồ, và cắt nghĩa một chỗ là «trông thẳng» (*trừng thị*). Như thế thì có nhẽ chữ Đại-cồ. Việt nghĩa là nước Việt nhòn trông suốt cả bốn cõi, hay tám cõi (bát hoang) theo lối ngày xưa.

6) Đoạn này kể sơ-lược quá, nên lấy sử chữ nho rồi chép thêm những việc sau này : « Năm mậu-thìn (968), Đinh-Bộ-Lĩnh lên ngôi, đặt quốc-hiệu là Đại-cồ-Việt, đóng đô ở Hoa-lư. Lúc mới muốn đóng ở Đàm-thôn, vì chỗ đất chật hẹp, lại không lợi về việc đặt nơi hiểm-yếu, nên dời đến động Hoa-lư, dựng kinh-đô mới, đắp thành đào ao, làm cung điện, đặt lễ nghi trong triều. Quần thần dâng tôn-hiệu là Đại-thắng Minh hoàng-đế. Vua Đinh muốn lấy oai trấn thiên-hạ, bèn đặt vạc nhòn ở sân, nuôi hổ dữ ở cũi, hạ lệnh rằng ai trái phép thì chịu tội mổ cho hổ ăn thịt : người ta đều sợ phục, không ai dám phạm... Năm canh-ngọ (970) đặt niên-hiệu là Thái-bình thứ nhất. Xét năm có hiệu thì bên Tàu có từ Hán Vũ đế (140-80 trước kỷ-nguyên), bên ta có từ Lý Nam-đế, đặt là niên-hiệu Thiên-đức (544-548) : như thế thì việc đặt niên-hiệu không phải là việc sáng-kiến của nhà Đinh ; sách cũ chép Đinh Tiên-hoàng đặt niên-hiệu đầu tiên là không phải, nên bỏ đi... Năm tân-mùi là năm Thái-bình thứ hai (971) định giai-phẩm văn võ, tăng-đạo, lấy Nguyễn-Bặc làm Định-quốc-công, Lưu-Cơ làm đô-hộ-phủ sĩ-sư. Lê-Hoàn làm thập đạo tướng-quân, tăng-thống là Ngô-chân-Lưu cho hiệu là Khuông-việt đại-sư, Trương Ma-Ni làm tăng-lục đạo-sĩ, Đặng-huyền-Quang làm Sùng-chân ưy-nghi... Năm nhâm-thân là năm Thái-bình thứ ba (972) Đinh Tiên-Hoàng sai con là Nam-Việt vương Đinh-Liễn sang nhà Tống dâng lễ-vật. Năm quí-dậu là năm Thái-bình thứ tư (973) Đinh-Liễn từ nhà Tống về. Nhà Tống sai sứ sang sách phong, cho Liễn làm Kiểm-hiệu thái-sư, Tĩnh-hải quân tiết đô-sứ, An-nam đô-hộ, vua Đinh làm Giao-chỉ quận-vương... Năm giáp-tuất là năm Thái-bình thứ năm (974) định quân mười đạo : một đạo mười quân, một quân mười lữ, một lữ mười tốt, một tốt mười ngũ, một ngũ mười người, đều đội

mũ « tứ phương bình đính », là mũ bằng da, bốn bên khâu vào với nhau, trên hẹp dưới rộng, gọi là bình-đính (bằng đầu). Sử-thần Ngô-thời-sĩ bàn rằng : « Xét phép, quân-lữ ấy, tự một ngũ mười người, đến một đạo mười quân, tính số thì mỗi quân một vạn người, tổng số mười đạo quân, thành một trăm vạn người. Lấy áo mặc lương ăn cho một trăm van người, phải phiền đến sự cung-ứng của vài ức van người. Sức-lực một nước, hẳn sao chịu nổi ? Hẳn bấy giờ chưa phân biệt người đi lính với kẻ làm ruộng : có việc thì gọi ra, xong việc thì cho về làm ruộng. Hoặc giả như phép chọn binh của tứ trấn ngày nay, chỉ còn có ngạch ở sổ lính mà thôi. Sách-vở vốn ít, thế-đại lại xa, khiến cho người đọc sử không biết được gốc ngọn của việc kén quân bấy giờ... » Năm ất-hợi là năm Thái-bình thứ sáu (975) định áo mũ quan văn quan võ. Sai sứ sang nhà Tống ; nhà Tống phong Liễn làm Giao-chỉ quân-vương. Từ đấy về sau, khi sai sứ sang nhà Tống, đều lấy Liễn làm chủ... Năm bính-tý là năm Thái-bình thứ bảy (976) những thuyền buôn các nước đỗ ở ngoài bể, dâng phương vật. Những người đi buôn ở bể dâng phương-vật, cũng như đi qua cửa ải hay bến đò, phải đưa dấu hiệu làm tin. Đối với quốc-thế, không quan-hệ gì, cho nên bỏ đi không chép Từ nhà Lí nhà Trần trở về sau, cũng bắt-chước bỏ đi, không chép (7). . » (dịch ở *Đại-Việt sử-ký tiền-biên*, bản-kỷ, quyển 1, tờ 2b-6b; Đại-việt sử ký toàn thư, bản kỷ, quyển, tờ 2b-4b ; và *Khâm định Việt-sử thông-giám cương-mục*, chính biên, quyển 1-tờ 3a-7a, chép cũng gần giống như thế ; những chỗ khác nhau sẽ bàn sau).

7) Nghĩa là « Đỗ-Thích giết hai họ Đinh, nhà Lê sinh ra vua thánh-minh. Sách *Tiệp-lục* chép rằng nhời sấm này có từ năm Thái-bình thứ năm, 974 » Tuy là nhời sấm, mà sử chữ nho cũng chép cả. Quyển *Đại-Việt sử-ký toàn-thư* (quyển 1, tờ 6a) chép toàn bài như sau này : « Đỗ-Thích thí Đinh, Lê-gia xuất thánh-minh. Cạnh đầu đa hoành nhi, Đạo lô tuyệt nhân hành. Thập-nhị *xưng đại-vương*, Thập ác vô nhất thiện. Thập bát tử đăng *tiên*, Kế đô nhị thập thiên », nghĩa là Đỗ-Thích giết cha con họ Đinh (Đinh-Tiên-Hoàng và Đinh-Liễn). Nhà Lê sinh ra vua thánh-minh) Lê-Hoàn, tức Lê Đại-hành) Đối đầu nhiều đứa ngang-ngược (đối đầu với Lê-Hoàn có Đinh-Điền Nguyễn-Bặc, v. v.). Đường xá dứt người đi (vì dân chết hại quá nửa). Mười-hai con xưng đại-vương (Lê-Hoàn phong mười hai con làm tước vương). Mười đứa con ác, không có một đứa thiện (con Lê-Hoàn tranh nhau, giết nhau). Mười-tám gã lên tiên (từng chữ thì nghĩa là thế ; nhưng chính thật ra thì phải giải ra như thế này : theo lối viết chữ Hán, ba chữ *thập-bát tử* chắp lại thành chữ *Lí*, ý nói nhà Lí làm vua). Tính được hai-mươi kỷ (tức là 240 năm, vì theo sách *Bổ-chính thiện-vi*, quyển 4, tờ 7a, mỗi kỷ là hai-mươi năm, nhưng thực ra, nhà Lí làm vua có 216 năm, từ năm 1009 đến năm 1225).

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ sao lục

VIÊT-NAM DƯỢC-HỌC

in làm 12 cuốn

mỗi cuốn nói về 10 cây thuốc khác nhau dày trên dưới 3000 trang khổ 12x19, in làm 2 hạng :

Loại giấy thường bán từ : 10p.00 trở lên

Loại giấy đặc biệt bán từ : 30p.00 trở lên

thêm 2p.60 cước gửi ngoài

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng janvier 1942 phải trả.

Loại giấy thường 7p. } *tiền cước gửi*
Loại đặc biệt 12p.00

Ngài nào mua trả tiền trước trong tháng Février 1942 phải trả.

Loại giấy thường 7p.00 } *và thêm 1p.32*
Loại đặc biệt 12p.00 } *tiền cước gửi*

Ngài nào muốn coi một cuốn xin gửi.

Loại giấy thường 1p.00 } *cả tiền cước*
Loại đặc-biệt 3p.00

Thư và mandat mua sách xin gửi về cho ;

Nhà in Mai-Lĩnh Hanoi

là nhà đã nhận xuất-bản

các sách thuốc của hội Y-học Trung-kỳ

VIỆT-NAM VĂN-HỌC

do NGÔ TẤT-TỐ chủ trương

1) Lý triều văn học
2) Trần triều văn học I
3) Trần triều văn học II
4) Lê triều văn học I
5) Lê triều văn học II
6) Nguyễn triều văn học

Dày tất cả ngót 2000 trang in làm 2 hạng.

Loại giấy thường bán từ 6 p. 00 trở lên

Loại đặc biệt — 20 p. 00 trở lên

thêm cước gửi ngoài

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng janvier 1942 phải trả:

Loại giấy thường 4 p. 00 } cả tiền cước gửi.
Loại đặc biệt 12 p. 00

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng Février 1942 phải trả :

Loại giấy thường 5 p. 00 } cả tiền cước gửi
Loại đặc biệt 15p. 00

Ngài nào muốn coi một cuốn đầu xin gửi :

Loại giấy thường 1 p. 00 } cả tiền cước.
Loại đặc biệt 3 p 00

Nhà in MAI-LĨNH Hanoi xuất bản

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ

Số 22 Ứng Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

XCII

Tô-thị hồi-văn (1)

Chàng vâng chiếu sai ra biên-ngữ,
Tiễn chàng đi tới giữa hà-kiều.
Ngậm-ngùi sẽ dặn mấy điều :
Ân-tình chớ nỡ bỏ liều đi lâu !
Ai hay đâu chảy rồi tin vắng ?
Bức bình-vi chút chẳng hơi xuân !
Thềm quỳnh vẻ biếc in ngần,
Màn san-hô đó, hồng-trần chan-chan.
Nỗi ly-biệt động bàn thêm hãi !
Mong chốn nào được lại gặp ngươi :
Một xin làm nguyệt bể khơi,
Một xin làm áng mây trôi đầu ghềnh ;
Mây kia với mặt mình thường gặp,
Nguyệt kia từng soi khắp đòi nơi.
Bên chàng đi lại chẳng dời,
Dẫu nghìn muôn dặm xa khơi thấy liền.
Đường thăm-thẳm cách miền sơn hải,
Giận nỗi chàng khách mãi phương xa !
Khi đi lau mới vàng pha,
Lại nay mấy độ mai hoa trắng rồi !
Hoa man-mác gặp hồi xuân nở,
Ý xuân này biết giở cùng ai ?
Vì chàng cành liễu vin hoài,
Hoa rơi đầy đất, vắng người phù chi !
Sân xuân thảo xanh-rì một lượt,
Ôm đàn tranh tha-thướt họa đường ;
Vì chàng nầy khúc tư-hương !
Gọt tình gửi tới sóc-phương đó cùng :
Soc-phương đó non sông cách trở,
Muôn dặm xa, tờ chữ ai mang ?
Gọt châu trên gối ngân-trang,
Xiêm thêu mấy cánh hoa vàng rất cao.
Vắng nghe tiếng xuân hồng qua bến,
Tình li-nhân đau đến nhường nào !
Huyền còn, ruột đã như bào,
Ngắn lâu, huyền chửa lựa vào khúc xong.
Chang nhớ thiếp, tấm lòng này nặng,
Thiếp nhớ chàng cũng chẳng chút nguôi !
Dt làm một bản dâng giời,
Ngửa ơn xin giả chồng tôi mau về.

(Chép theo quyển *Quốc-âm thi-văn tập*, sách viết bằng chữ nôm của Trường Bác-cổ, số AB 109, tờ 11 a - 12 a).

XCIII

Hương sơn phong cảnh ca (2)

Thú tự-nhiên đâu bằng Hương-tích,
Đủ thanh-tao cảnh lịch trăm chiều :
Người thì vui trí, thỏ, sô, nghiêu ;
Kẻ thì thích yên-hà phong-nguyệt.
Kho vô-tận những chi ấy còn chưa biết,
Thú hữu-tình sơn thủy thực là đây.
Khi đăng lâm đã ngược mấy lần giời,
Mây dưới gót đủ xanh, đen, vàng, đỏ, trắng.
Lúc nhập động ngoạn kỳ-ba thạch-đẳng,
Dấu thần-ngoan ai vẽ cho cùng ;
Riêng một bầu không sắc sắc không,
Đủ mọi vẻ quái kỳ kỳ quái.
Thơ rằng : « Động-chủ hữu linh thần-bút-lại ;
Hóa-nhi vô-ý tự-nhiên công » (3).
Khách xuất quan ngảnh cổ lại mà trông,
Lòng mến cảnh dời chân đi hóa đứng.
Chén vận dịch nghiêng bầu uống gắng,
Bức tiên-la mở tái nêm đầy.
Giải-oan ra, thoát tục lâng ngây,
Thiên-trù tới, vong cơ cang thây khỏe ;
Lang thu-tửu còn dâu hơn đấy nhỉ ?
Chẳng bồng-lai, nhược-thủy cũng thần-liên ;
Rõ ràng đệ nhất Nam-thiên !
Mang đi lại nể quân tiên mất lòng :
Thôi thì hãy để chơi chung !

(Chép theo quyển *Quốc-văn tùng-kỷ*, sách viết bằng chữ nôm của Trường Bác-cổ, số AB 383, quyển hạ, tờ 92 b - 93 a).

(Còn nữa)

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ biên-tập

---

1) Có sách đề bài *Tô-thị hồi-văn* là *Tô Huệ chức cẩm hồi-văn*. Bản dịch của ông Ngô thế-Vinh đã in ra quốc ngữ trong quyển thứ ba bộ *Văn đàn bảo giám* (in lần thứ hai, trang 58-59). Bản dịch mà chúng tôi sao lại ở trên kia chưa ai in ra quốc ngữ ; sách Bác-cổ không chép tên dịch giả.

2) Bài *Hương-sơn phong cảnh ca* đề là của vua Lê-Thánh-Tôn (1460 1497). Quyển *Văn đàn bảo giám* (I, in lần thứ ba, trang 126) đã in ra quốc ngữ, nhưng có đến hai-mươi chữ khác với bản nôm của Trường Bác cổ, cho nên chúng tôi tưởng nên sao lại để giúp vào việc bổ chính sau này.

3) Hai câu thơ chữ ở bài *Hương-sơn phong-cảnh* nghĩa là : Động chủ có thiêng thì thần bút còn lại, thy giới không để ý mà được khéo tự-nhiên.

Thời đàm

XỨ AI-CẬP VÀ KÊNH-ĐÀO SUEZ

NHẬT-NHAM

NHỮNG cuộc tấn-công về mùa xuân sắp tới đã đặt kênh-đào Suez vào một địa-vị quan-trọng trên trường quốc-tế. Dưới đây xin tường-thuật việc bang-giao Anh và Ai-cập trong thế-kỷ thứ 19 và lịch-sử kênh-đào Suez để độc-giả nhàn-lãm, trong khi tại miền Ai-cập, hai bên địch thủ sắp đem toàn-lực để chiếm lấy quyền kiểm-soát của con đường giao-thông Hồng-hải với Địa-trung-hải.

Theo địa-thế, thì xứ Ai-cập thuộc châu Phi, nhưng dân Ai-cập có nhiều chủng-loại xuất-xứ tại Trung-Á, lại có nhiều thời-kỳ tiến-bộ, cho nên Ai-cập vẫn có liên-lạc mật-thiết với khu-vực phía bắc Địa-trung-hải là những nước tiên-tiến trên bản-đồ Âu-châu và thế-giới,

Tuy trong vòng hai trăm năm nội-thuộc Ba-tư, nhưng cuộc chiến-thắng của vua Alexandre đã sáp-nhập Ai-cập vào phạm-vi Âu-châu.

Cuộc chiến-tranh về tôn-giáo của vua Louis IX giữa thế-kỷ thứ 13, cuộc viễn-chiến của vua Nã-Phá-Luân về cuối thế-kỷ thứ 18, đã để lại trên cánh đồng-bằng phì-nhiêu xứ Ai-cập những mầm văn-minh tây-phương, một nền văn-minh đã dần dần tạo nên một xứ Ai-cập cường-thịnh có địa-vị quan-trọng trên du-đồ thế-giới.

Người có công sáng-lập ra xứ Ai-cập hiện thời là Méhémet Ali. phát-tích tại Macédoine (phía bắc Hy-lạp). Méhémet Ali đầu quân theo với chí-hướng, rồi năm 1803, đứng chỉ-huy một đạo quân xứ Albanie (thuộc đất Ba-nhĩ-cán). Viên lãnh-sự Pháp là Mathieu de Lesseps đã từng được mục-kích những hành-vi cương-quyết của Méhémet Ali, bèn đặt cả hy-vọng vào vị anh-hùng niên-thiếu để phản-kháng lại cái dự định một cuộc chinh-phục của người Anh, rồi giới-thiệu với quốc-vương Thổ-nhĩ-kỳ cho Méhémet Ali cai-trị xứ Ai-cập khi đó là một tỉnh thuộc nước Thổ-nhĩ-kỳ.

Méhémet Ali có đủ tư-cách một viên đại-tướng, một nhà chính-khách.

Năm 1807 Méhémet Ali thẳng quân Anh đổ-bộ lên xứ Ai-cập, và trưng bày tại Esbekien 450 thủ-cấp quân-sĩ Anh cho công chúng xem! Bốn năm sau, Méhémet Ali tiễu-trừ bọn thổ-phỉ Mamellouks, quét sạch một đảng đã bao lâu tàn-phá xứ Ai-cập. Dần dần thoát-ly chính-phủ Constantinophe, Méhémet Ali cai-trị Ai-cập theo chính-kiến của mình.

Vốn tôn-sùng Hoàng-đế Nã-Phá-Luân, Méhémet Ali theo gương chính-trị của vị anh-hùng Pháp để tổ-chức lại xứ Ai-cập. Công-cuộc đầu tiên là khơi sông dẫn thủy nhập-điền, đem lại sự phì-nhiêu cho đồng-bằng Ai-cập, và thâu-nhập nghề giồng bông là một nguồn lợi cho nền kinh-tế Ai-cập. Méhémet Ali cho thanh-niên Ai-cập sang Paris du-học và đem về Ai-cập các giáo-sư, kỹ-sư Âu-châu để dậy dân bản-xứ. Nhờ có mấy người Pháp cộng-tác, Méhémet Ali tổ-chức nên một đạo quân tinh-nhuệ và chinh-phục được xứ Sondan.

Đạo quân ấy đã từng sang giúp Thổ-nhĩ-kỳ chống nhau với quân Hy-lạp.

Sau trận ấy, Méhémet Ali đòi quyền cai-trị xứ Syrie Quốc-vương Thổ-nhĩ-kỳ Mahmond không nghe, nên xảy cuộc chiến-tranh giữa Thổ và Ai-cập.

Ibrahim, thế-tử Méhémet, chiếm xứ Syrie, phá hai đạo quân Thổ và tiến thẳng đến kinh thành Constantinople (1831-1833). Quốc-vương Thổ cầu-cứu Nga-hoàng. Một cơ-hội để Nga bành-trướng thế-lực tại Thổ, nên Nga-hoàng phái một đạo quân và một hạm-đội đến giữ kinh-thành Constantinople.

Trước tình-thế ấy, cả Âu-châu chấn-động: nước Anh, nước Pháp và nước Áo muốn trục-xuất quân Nga ra khỏi đất Thổ, bèn bắt quốc-vương Thổ phải nhường xứ Syrie cho Méhémet Ali.

Trước khi rút khỏi Constantinople, quân Nga ký mật-ước Unkiar-Skelessi (1833) tương-trợ với Thổ. Theo mật-ước, quốc-vương Thổ cam-đoan cấm chiến-thuyền các nước, trừ của Nga, không được vào eo bể Hắc-hải.

Năm năm sau (1839), quốc-vương Thổ Mahmond đem binh đánh lấy lại xứ Syrie, nhưng quân Thổ bị thua, mà quốc-vương sau cuộc thất-bại cũng thăng-hà, để lại một ấu-quân 16 tuổi.

Sau nhiều cuộc chiến-thắng, xứ Ai-cập trở nên hùng-cường. Người Anh không muốn một nước có đủ lực-lượng để một mai có thể uy-hiếp mình, nên tìm cách đạp đổ xứ Ai-cập. Lord Balmerston họp tứ-cường: Bỉ, Áo, Nga, Anh để đánh Ai-cập. Vì Méhémet Ali có thiện-cảm với nước Pháp, nên Anh không hề bá-cáo cho Pháp việc kết-liên ấy,

Một tối-hậu-thư gửi cho Ai-cập bắt Chính-phủ nước ấy phải trả lại Thổ xứ Syrie và phải phục-tòng quốc-vương Thổ mà lâu nay Méhémet Ali định thoát-ly.

Hạm-đội của Đô-đốc Anh Napier phong-tỏa bờ bể, tấn-công vào Beyrouth, rồi thẳng đường kéo đến đánh Alexandrie là đô-thành Ai-cập.

Nhờ có Hoàng-đế Pháp Louis Philippe và thủ-tướng Guizot can-thiệp, nên cuộc chiến-tranh kết-liễu, sau một hòa-ước ký tại Luân-đôn ngày 19 Avril 1841: Méhémet Ali phải trả lại vua Thổ xứ Syrie, nhưng được giữ xứ Ai-cập làm xã-tắc để truyền lại cho nòi giống (1841). Thế là cuộc chiến-tranh kết-liễu với cuộc phân chia nước Thổ-nhĩ-kỳ và sự thoát-ly của xứ Ai-cập. Theo sau đến sự thất-bại của Nga trong cuộc ngoại-giao: nước Pháp hô-hào các cường-quốc ký với Thổ một hiệp ước cấm các chiến-thuyền không được qua eo bể Bosfore và Dardanelles (1841), khiến hạm-đội Nga bị câu-giam vào trong Hắc-hải.

Từ ngày Ai-cập được thoát-ly phạm-vi Thổ-nhĩ-kỳ, Méhémet Ali đem hết tâm-lực để kiến-thiết nền-tảng xã-hội, thâu-nhập văn-minh thái-tây để phục-hưng nền kinh-tế cũng như mở mang Ai-cập về phương-diện tinh-thần.

Tới năm 40 tuổi, Méhémet Ali mới bắt đầu học, nên càng hiểu sự cần-thiết cho một nước đương ở trong thời-kỳ phôi-thai như xứ Ai-cập: sự mở mang về tinh-thần và khoa-học.

Đương lúc công việc tiến-hành, thì Méhémet Ali băng-hà.

Abrahim và Abbas lên nối ngôi, không được bao lâu, đều bị chết một cách bi-thương. Con thứ ba cố-quân Méhémet Ali là Saïd kế-vị. Hoàng-tử lúc thiếu-thời đã từng du-học bên Pháp, nên sau khi làm vua, bèn theo gương vương-phụ, bỏ nhục-hình và cấm thâu-nhập tục mãi nô vào Ai-cập.

Tân-quân đặt thêm đường hỏa-xa, cải-cách về việc điền-địa, bãi thuế thương-chính trong nước Ngài lại cho phép quân Anh mượn đường Ai-cập để sang dẹp loạn Ấn-độ và cho người Anh mở công-ty bưu-điện tại Ai-cập.

Ngày 30 Novembre 1854 quốc trưởng Saïd xuống dụ y cho De Lesseps tổ-chức công-ty để đào sông Suez.

Ferdinand de Lesseps đã có dịp biết nhà vua khi còn lưu-học tại Paris. Sau khi đức vua lên ngôi, de Lesseps được vào bệ kiến và đức vua không ngần ngại phê chuẩn cho phép đào kênh Suez

De Lesseps sang ngay kinh thành Costantinople, được quốc vương Thổ-nhĩ-kỳ cũng đồng-ý cho phép khơi kênh Suez.

Người Anh nổi lên phản kháng rất kịch liệt Palmeston đã nhiều phen lớn tiếng công kích việc cho phép đào sông làm tổn đến tình hòa hảo giữa Anh và Ai cập cùng Thổ nhĩ kỳ.

Ferdinand de Lesseps ba lần thân hành sang Luân đôn, hết sức vận động, rồi đưa đến thương-khẩu Port Said một đoàn đại biểu gồm các nhà thông-thái các nước, để làm cho rõ rệt tính-cách quốc-tế của con sông sắp đào.

Sau cùng, de Lesseps được các nhà chính-khách Luân-đôn hợp-tác. Thế là bắt đầu, nhát cuốc thứ nhất của công-việc khơi sông vào ngày 25 Avril 1859, tại đoạn từ hồ Menzalch đến Địa-trung-hải.

Ferdinand de Lesseps rất săn-sóc đến công-việc và hết sức tiến-hành cho mau-chóng. Tuy vậy, cũng không sao tránh khỏi những trở-lực bất ngờ. Muốn trì hoãn công việc, chính phủ Anh không nhận cho dân-phu bản xứ đào sông, và gửi tối hậu-thư cho công-ty, bắt phải bãi bỏ việc phu đài, trả lại Chính-phủ Ai-cập những đất của quốc-trưởng Saïd nhường lại và phải đo lại địa-thế sông đào Việc phân-tranh ấy phải giao cho Hoàng-đế Nã-phá-Luân đệ-tam làm trọng-tài phân xử, Tháng Juillet 1866, bản quyết nghị tuyên-bố: Chính-phủ Ai-cập không phải mộ dân-phu đào sông nữa và công-ty phải chịu 84 triệu quan để trả tiền đất dùng làm địa thế cho sông chạy qua.

Tại Anh, người ta vẫn yên trí là công-ty thất-bại, không ngờ, thay cho nhân-công, có nhiều máy cuốc đào sông đưa đến nơi cùng với thợ đấu mộ từ Pháp, Ý và Thổ, để tiến-hành công việc.

17 Novembre 1866! Khánh thành kênh đào Suez. Một lễ rất trọng-thể đã đưa tới đất Ai-cập các vị Hoàng thân các nước Âu-châu. Các khoản phí về lễ khánh thành nhiều quá làm hao hụt qũy Ai-cập, đến nỗi Chính phủ Ai-cập phải ép dân mua quốc trái. Nhưng đó chỉ là kế tạm thời.

Về sau, các cường quốc Âu-châu phải can thiệp đến nội tình Ai-cập, cử Anh và Pháp là hai trái chủ của Ai cập được quyền

và tổ chức lại nền tài chính Ai cập (1876). Chính thể ấy thi hành được sáu năm thì một đảng quốc gia Ai-cập gây cuộc biến động chống lại người Âu (1882) Chính phủ Anh yêu cầu nước Pháp dự vào cuộc dẹp loạn. Nhưng nội các Pháp không ưng dự chi một khoản binh phí đủ cung cho 4000 binh sĩ. Vì vậy, một mình Anh đứng lên tiễu trừ đảng phản động, chiếm Alexandrie, Le Caire và kênh đào Suez.

Từ đấy, Ai-cập để dưới quyền bảo hộ người Anh. Trong vòng hai mươi năm, nước Pháp hết sức phản-kháng để đòi lại quyền-lợi đã có từ trước trên đất Ai-cập.

Năm 1898, Đại-úy Marchand, đem quân từ xứ Congo lại, chiếm miền Fachoda trên thượng-lưu sông Nil : cuộc chiến-tranh sắp nổi giữa Anh và Pháp, song hai bên điều-đình với nhau được ổn thỏa, quân Pháp rút khỏi Fachoda, nên ngọn lửa chiến tranh lại có thể dập tắt được ngay.

Theo hiệp ước 1904, Anh công nhận nước Pháp được tự do hành động trên đất Maroc, nên Pháp không để ý đến xứ Ai cập nữa, mặc cho Anh cai trị.

Ngày 4 Aout 1914, Anh cùng đồng minh khai chiến với Đức và Thổ-nhĩ-kỳ.

Vì Ai-cập vốn là chư hầu Thổ nhĩ kỳ ở vào một tình thế không được khúc triết, nên Anh lợi dụng thời cơ đặt cuộc bảo hộ chính thức trên xứ Ai-cập.

Ngày 18 Decembre 1914, công bố sắc-lệnh về cuộc bảo-hộ Ai-cập.

Theo sắc lệnh thì từ đó xứ Ai-cập chính thức đặt dưới quyền bảo hộ Anh-hoàng. Với cuộc bảo-hộ ấy tình bang-giao không có thể có giữa Ai-cập và Thổ như trước nữa. Chính-phủ Anh nhận trách-nhiệm phòng-thủ Ai-cập và bảo-vệ dân chúng cùng quyền-lợi Ai-cập.

Chính-thể thay đổi trước khi hỏi ý kiến hội nghị tư pháp bản xứ, nên dân chúng nổi lòng công phẫn, mà khắp các nơi bùng lên phong trào biến động. Tuy dùng võ lực tiễu trừ được yên, song lòng dân chưa quy phục.

Trong khi điều đình hòa-ước, theo sau cuộc đình-chiến, Saad Pacha Zagloul, viện trưởng viện lập-pháp, cùng nhiều bạn tới sứ quán Anh, xin Anh bãi cuộc bảo-hộ và công nhận cho Ai-cập được độc-lập.

Đơn yêu cầu gửi về Chính-phủ Luân-đôn bị bác bỏ. Zagloul bị giam cầm và phát lưu sang đảo Malte trong Địa trung hải

Như lửa đổ thêm dầu, sinh viên trường Luật tỉnh Caire diễn qua các phố để phản-kháng ; dần dần những dân thất-nghiệp và công-chúng hưởng-ứng. Trong ba ngày, cuộc biểu-tình liên-tiếp tại Caire, rồi lan rộng sang các tỉnh cho tới xứ Thượng Ai-cập.

Quân-đội Anh can-thiệp, chẳng bao lâu dẹp yên được cả.

Muốn yên lòng dân, Zagloul Pacha được tha về nước.

Vì chính-phủ Luân-đôn và các vị thượng-thư Ai-cập không đồng ý về vấn-đề độc-lập Ai-cập, nên về sau Zagloul lại bị bắt và đem đến kênh Suez để đưa sang Aden.

Dân Ai-cập lại nổi lên để phản-kháng thái-độ người Anh.

Chính-phủ Luân-đôn đứng trước phong-trào biến-loạn ấy, phải thay đổi thái-độ và nhất định cho Ai-cập tự-trị.

Ngày 30 Février 1920, xứ Ai cập được tự-trị

Từ đó Quốc-vương bắt đầu trị nước với miên-hiệu Fouad đệ-nhất.

Vì vị-trí ở trên bờ Địa-trung hải, xứ Ai-cập là một căn-cứ-địa rất quan-trọng trong việc hành binh của Anh tại miền Bắc-Phi và trên mặt bể Địa-trung-hải.

Người Anh tập trung rất nhiều lực-lượng, trong xứ Ai-cập để uy hiếp thuộc địa các nước phe Trục tại miền Bắc-Phi và đã từng chiếm thêm được nhiều địa-thế.

Vì vậy, các nhà quân-sự Đức Ý rất chú ý đến nơi căn cứ có quan hệ mật thiết tới sự sống còn của Anh, cho nên từng phen đã phải hi sinh biết bao quân đội và chiến-cụ để giao tranh cùng bên địch. Luôn luôn hai bên kịch chiến, lúc được, lúc thua, chưa phân thắng bại.

Mới rồi, theo tin một tờ báo Thụy-điển, quân đội Đức có thể sắp khởi một cuộc tấn công làm rung động cả miền đông nam Âu châu, vì đồng thời với cuộc tấn công vào Nga, Đức còn tấn công vào các miền thuộc Anh ở Cận Đông và Ai-cập.

Lại có tin Đại tướng Đức Student là người đã chỉ-huy các cuộc hành quân của quân đội nhảy dù trong trận Crète, đã tới một đảo ở khu quần đảo Dodécanèse.

Khu quần-đảo Dodécanèse là căn cứ của Đức-Ý gần kênh đào Suez nhất. Lại có nhiều phi cơ vận tải quân Đức đã tập trung tại miền đó để sắp khởi cuộc tấn công rất lớn vào kênh đào Suez.

Như vậy, một ngày không xa, sẽ có những cuộc huyết chiến vô cùng mãnh liệt giữa hai bên địch thủ, một bên muốn phá sào huyệt của phe địch và muốn chiếm con đường nối Đông sang Tây, mục đích liên lạc hai chiến tuyến Âu-Á ; còn một bên vì nhẽ sống còn, phải tự vệ để giữ nguyên lĩnh-thổ.

Với cuộc tấn công mùa xuân vào Ai-cập và kênh đào Suez, mặt nước Hồng-hải từ nghìn xưa vốn sẵn màu hồng, sẽ nhuộm thêm một sắc đỏ tươi nữa !

« Bống có gan bống, bớp có gan bớp », cuộc sô sát lẽ tất nhiên sẽ vô-cùng khốc-liệt.

NHẬT-NHAM

Cuộc diễn-thuyết ở hội Trí-Tri của ông Mai-Lĩnh về

"NGHỀ XUẤT BẢN"

PHẠM MẠNH-PHAN

HỒI chín giờ hôm thứ năm 16-4-1942, hội Tri-Tri phố Hàng Quạt có tổ-chức một cuộc nói chuyện. Diễn giả là ông Đỗ Xuân-Mai, giám-đốc nhà xuất-bản Mai-Lĩnh, một nhà doanh nghiệp trẻ tuổi ở đất đế đô, nói về « Nghề xuất bản ».

Vì buổi nói chuyện trùng vào sau cuộc họp mặt của các giáo-viên hội Truyền bá quốc-ngữ, nên các thính-giả phần nhiều là các thanh-niên trí-thức hội-viên hội đó. Ngoài ra, một số đông các nhà báo, nhà văn cũng sốt-sắng tới dự để hòng hiểu rõ tới một nghề có liên can mật-thiết với việc phụng-sự văn nghệ.

Giảng đài của hội Tri-Tri tuy không được rộng, nhưng buổi đó cũng chứa trên ba trăm thính-giả. Dưới ánh điện tươi sáng, thoạt bước chân vào phòng, khách dự thính thấy ngay trên tường bốn chữ hán « Pháp Việt phục hưng ».

Bỗng một dáng điệu thong-thả và nghiêm-trang, ông hội trưởng dõng-dạc bước lên diễn-đài, giới-thiệu diễn-giả với mọi người. Súng-sính trong bộ quốc phục mùa hè, với nụ cười luôn nở trên khuôn mặt quắc-thước, ông đã bày-tỏ vắn tắt mục-đích của cuộc nói chuyện với tôn chỉ hội ông theo đuổi.

Những lời giới-thiệu tuy ngắn-ngủi mà đượm vẻ thông-minh định-ngộ đã khiến tôi tự hỏi sao nhà học-giả khiêm-tốn của chúng ta không cho chúng ta nghe hàng giờ về một vấn-đề gì mà lại chỉ « dử » chúng ta trong có dăm ba phút !

Ông Mai-Lĩnh, một người đã từng lăn-lộn với nghề xuất-bản trong ngót mười năm, nay đứng ra nói về nghề đó, thật chẳng còn phải ngờ diễn-giả không đủ thẩm-quyền nói và vì thế ông đã gây được đủ lòng tín-nhiệm trong số các người dự nghe.

Diễn-giả đã nói những gì ?

Vừa bước chân lên diễn-đàn, ông Mai-Lĩnh, bằng một giọng sang sảng, đã bắt đầu :

« Trong lúc hai bán cầu đương xô-xát nhau... thế-giới thành một lò lửa lớn... nào bom, nào đạn, nào thủy-lôi. . »

Tôi giật mình cứ ngỡ mình xem báo nhầm và tự nhủ có lẽ diễn-giả nói về một vấn-đề hợp-thời nào trong cuộc chiến-tranh Nga-Đức hay Anh-Nhật chi đây ? Chứ nói về « Nghề xuất-bản sao tai nói tới những « bom » với « đạn » !

Nhưng qua vài giây sau, tôi mới hiểu diễn-giả muốn ca-tụng sự yên tĩnh của Đông-dương trước tình-thế quốc-tế, nên muốn « lợi dụng » mà nói về một vấn-đề có tính cách văn-học.

Lúc đó tôi mới đủ tin tôi và tự nhủ :

— « Diễn thuyết trong thời-kỳ chiến-tranh có khác ! »

Sau vài lời cảm ơn xã-giao, diễn giả tự thú vốn không có « thói quen của diễn đàn » và mục-đích nói về « Nghề xuất-bản » là cốt mong cho nghề đó thành một kỹ-nghệ lớn, tổ-chức theo phương-pháp khoa-học của các nước Âu Mỹ, vì diễn giả nhận rằng nó có quan-hệ mật-thiết đến sự xây-dựng một nền văn-hóa của đất nước.

Ngoài mục-đích đó, ông thanh-minh không hề lợi-dụng cuộc nói chuyện mà hòng làm quảng-cáo riêng cho các sách đã do ông xuất bản. Tôi ngờ-ngợ và nhớ tới câu *«que sais-je ?»* (Nào tôi biết đâu đấy ?) của nhà triết học Montaigne. Nhưng sau tôi mới tin lòng ngay-thật của diễn-giả.

Trước khi cắt-nghĩa địa-vị và bổn-phận của một nhà xuất-bản, diễn-giả nhìn qua tủ sách quốc văn, thấy sau bao nhiêu năm đụng chạm với người Pháp, với văn minh thái-tây, cái tủ sách quốc-văn ấy của ta nó *« lơ thơ và trống trải »* quá. Duyên do tại sao ? Tại dân-trí chưa được mở-mang, tại nghề xuất-bản chưa được phát-đạt.

Căn-cứ vào một câu danh-ngôn của nhà văn-hào Nguyễn văn-Vĩnh xưa : *«Nước Nam sau này hay, hay giở, là ở chữ quốc ngữ »* diễn-giả mạnh-bạo nêu lên một tiền-đề : *«Dân trí sau này tiến mau hay chậm là do nghề xuất-bản sách quốc-văn của ta thịnh hay suy »*.

Nói tới nghề xuất-bản, diễn-giả không quên nói tới sự quan-hệ mật thiết của những văn nhân, những người đã từng vắt chất óc ném lên mặt giấy để nhờ nhà xuất bản, nhờ gió bốn phương đem tư-tưởng mình tới mọi người.

Nhà văn, nhất là nhà văn nước ta, phần nhiều lại nghèo, ít khi đủ vật-lực mà đem xuất bản lấy những tác-phẩm của mình, vì theo diễn giả : *« Càng là nhà văn đáng-đắn,*

Xem tiếp trang 20

Kết quả cuộc thi về lịch-sử do báo Tri-Tân tổ-chức

Theo con đường lịch-sử, Tri-Tân chúng tôi ra đời mới hơn một tháng đã vội nghĩ ngay đến việc tổ-chức một cuộc thi về lịch-sử.

Đầu bài.

« Viết một thiên lịch-sử ký-sự thuộc phạm-vi Nam-sử bất cứ về đời nào miễn phải là sử-liệu chưa ai nói đến và chưa đăng báo bao giờ ».

Điều-lệ đã ghi trong Tri-Tân số 5.

Đối với cuộc thi ấy, các bạn yêu thích lịch-sử tại năm xứ Đông-dương hưởng-ứng một cách nhiệt-liệt.

Sau khi khóa sổ nhận quyển thi, chúng tôi điểm được tất cả 35 bài. Lịch-sử là một món phức-tạp mà sử bút lại càng phải thận-trọng không thể ra ngoài sự thực được, thế mà các bài dự thi tới được con số ấy, thực cũng là một điều quá sự mong ước !

Tri-Tân chúng tôi xin cảm-tạ các bạn đã gửi bài dự-thi.

Chúng tôi tổ-chức ngay hội-đồng điểm-duyệt gồm có những tay từng-trải trong văn giới và báo-giới.

Mỗi bài lấy điểm số từ 1 đến 20. Sau khi ban sơ-khảo đã lựa chọn kỹ càng, còn được 10 bài, lại chuyển lên ban phúc-khảo. Các vị trong ban phúc-khảo lần lượt xem-xét kỹ lưỡng, cân-nhắc công bằng. Sau cùng còn được 7 bài đủ số điểm trung-bình.

Chiều 19 Avril 1942, một hội-đồng họp để cộng điểm số hơn kém và định trên dưới. Kết quả như sau này :

Giải nhất. — *25p. và 2 năm báo Tri-Tân.*

« Lãnh-sự Việt-nam ở Saigon ». Tác-giả : Phong-Vũ Trần Văn-Hai N° 34 Rue Lagrandière Saigon (Nam-kỳ).

Giải nhì. — *15p. và 1 năm 6 tháng báo Tri-Tân.*

« Hoàng-Diệu »

Tác-giả : Đặng Chi-Huyền

Làng Đức-mỹ, huyện Đại-lộc, tỉnh Quảng-nam (Trung-kỳ).

Giải ba. — *10p. và 1 năm báo Tri Tân.*

« Kiến-Phúc »

Tác-giả : Trần Thanh-Mại

Huế (Trung-kỳ).

Bốn giải khuyến-khích, 1 năm báo Tri Tân :

1° « Việc thân phục nước Thủy-xá và Hỏa-xá »

Tác-giả : Nguyễn Đức-Ninh

Chef du Bureau de Colonisation à Sông Cầu (Annam).

2° « Tháp Bình-sơn với ngụy Đồ-Chiêm ». Tác giả : Biệt Lam Trần-Huy-Bá, Trường Bác-cổ Viễn-đông, Hanoi.

3° « Một danh tướng đời Tây-sơn : Trần Quang-Diệu »

Tác giả : Trịnh Như-Chất, Propriétaire, 14 Rue de la Pagode, Phu Lạng Thương.

4° « Ngâm thơ đẹp giấc » tác-giả : Trần Tuy-Lam, chez M. Trần Đức-Quang service du Cadastre Bắc-ninh.

Hạn đến 10 Mai 1942 là cùng, trong các vị trúng cách trên này vị nào thay đổi địa-chỉ, xin bá cáo cho tòa báo Tri Tân biết để tiện việc gửi ngân-phiếu và báo biếu, đúng như điều lệ đã định, cho khỏi thất lạc.

Một lần nữa, báo Tri Tân xin thành thực cảm tạ tất cả các bạn xa gần đã gửi bài dự thi. Nhân dịp còn hời mừng các nhà văn đã trúng cách.

TRI TÂN

Tin vắn hằng tuần

ĐÔNG-DƯƠNG

Theo huấn-lệnh của quan Thống-sứ Bắc-kỳ, thì các công-chức được nghỉ bù những khi phải đi làm chủ-nhật hay phải làm quá-giờ.

Quan Toàn quyền vừa ký nghị định cho phép phòng Thương mại ở Hanoi được mở tại Hanoi một trường Thương-mại.

Hôm 10 Avril quan Toàn quyền có ký một đạo nghị định bãi đạo nghị-định ngày 25 Février 1942 cho phát hành thêm 10 triệu đồng bạc 0 p 50, 0 p 20, 0 p 10 và 0 p 05.

Tại Chợ-lớn đã lập-thành một đoàn-thể các nhà thương-mại của người Nhật và người Tàu ở miền nam Đông-dương.

Hội Khuyến học Nam kỳ đã phát giải thưởng năm 1941 (từ 200 đến 300 bạc) cho ông Trần Tiêu, tác giả cuốn tiểu-thuyết *Chồng con*.

QUỐC-TẾ

Nội-các mới của Pháp, do ông Laval làm thủ tướng, đã thành lập từ hôm 17 Avril 1942.

Quân Anh ở Diến-điện lùi mỗi ngày 8 cây số.

4 vạn quân Ấn độ dời Diến điện về nước.

Nga đòi Thổ tha hai bị cáo nhân Nga về vụ mưu sát ông Von Papen.

Tầu ngầm Đức lại đánh phá Curaçao gần Trung Mỹ.

Lộ quân thứ năm của Tàu ở Diến-điện bị vây.

Nhật đang chế thứ phi cơ bay mau mỗi giờ 1.000 cây số.

Bia Văn-miếu

Những ông nghè triều Lê

Số 18 Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN TỐ

SAU khoa quý dậu năm Thái-hòa mười một (1453), đến khoa quý-mùi năm Quang-thuận thứ tư (1463). Bài bia đề tên các ông tiến-sĩ đỗ khoa ấy (*Quang-thuận tứ niên qui-vị khoa, tiến-sĩ đề danh ký*) như sau này.

« Đứng Thánh-thiên-tử (Lê Thánh-Tôn, 1460-1497) lên ngôi báu đến nay bốn năm, văn vận sáng như sao khuê, nhân tài đông như như mây họp. Lúc ấy đương kỳ thi, học trò hát bài thơ *Lộc-minh* mà kéo đến, nhiều tới một nghìn hơn bốn trăm người, thi tài đấu nghệ trong trường xuân vi. Lựa chọn người giỏi được bốn mươi tự người.

« Ngày 16 tháng hai, vua ngự đến trường thi, ra đầu bài, hỏi về việc trị nước của các bậc đế-vương Sai Kiểm-hiệu-tư-đồ bình-chương-sự là Nguyễn-Lãi, đô-đốc-đồng-bình chương-sự, tri đông-đạo chư vệ-quân đề đ ệu Quốc-tử-giám là Lê-Niệm, trông nom các việc.

« Sáng hôm sau, lũ môm hạ sảnh tả tư tả gián-nghị đại-phu, tri bắc đạo quân dân bạ tịch, kiêm Hàn-lâm-viện thừa-chỉ học-sĩ là Nguyễn như-Đỗ, Hàn-lâm-viện thừa-chỉ học-sĩ, tri đông-đạo quân-dân bạ tịch là Nguyễn vĩnh-Tích, Quốc-tử-giám tế-tửu là Nguyễn bá-Ký đem quyển dâng đọc. Vua xem xong, quyết định thứ bực, cho lũ Lương thế-Vinh trở xuống đỗ tiến sĩ cập đệ và tiến-sĩ xuất thân.

« Ngày 22, vua ngự điện Kính-thiên, sai người truyền loa nói là việc thi đã xong. Lễ-quan mang bảng vàng yết ở ngoài cửa Đông-hoa, để cho nhiều kẻ quan-chiêm. Lại ban cho mũ áo yến-tiệc, để tỏ ý yêu mến đặc-biệt và gia ân rất là đằm thắm

« Nhưng mà chưa làm bia đề tên ; đến nay đã hai-mươi-hai năm, thực là khuyết-điển. Đức Hoàng-thượng nghĩ nhân-tài là nguyên-khí của quốc-gia, chẳng có nhẽ chẳng vun-giồng cho rộng khắp ; chế-độ là phép hay của quốc-gia, chẳng có nhẽ chẳng làm cho rõ-ràng ?

« Lại sắc cho đông-quan (bộ công) chạm đá khắc tên, dựng ở nhà Thái-học. Sa Đào-Cử soạn bài ký này.

« Kẻ thần-hạ kính vâng mệnh sáng, không dám lấy mình là sơ-thiển mà từ-chối, xin chắp tay cúi đầu mà nói rằng : Chân-nguyên hội-họp, rồi hiền-tài thiên-hạ mới nẩy ra ; chân-chúa dấy lên, rồi hiền-tài thiên-hạ mới dùng hết. Cử bậc nguyên-khải, hỏi quan nhạc-mục là cách dùng người hiền của đời Đường Ngu ; cất người hiền-năng, thăng kẻ tuấn-tạo là cách dùng người tài của nhà Thành-Chu. Cho nên phong-tục thái-hòa, trị dân yên-thịnh ; xem cách sai-trị, tất phải cốt ở việc cử người hiền dùng người tài làm gốc.

« Đức Thái-tổ Cao hoàng-đế ở Thánh-triều (Lê Lợi, 1418-1433) sửa sang võ-công, rộng tìm văn-đức, chưa kịp thay đổi, bắt đầu mở lối cầu hiền, sửa-sang đức hạnh, phấn-khởi lòng dân, qui-mô rất là rộng xa.

« Đến đức Thái-Tôn Văn hoàng-đế (1433-1442) nối theo phép rộng, thu phục hết kẻ anh-hùng, đặt khoa-cử để lấy người giỏi, dùng kẻ chân-nho để giúp trị, nhớn-nhao thay ! thật có công thủ-thành.

« Đến đức Nhân Tôn (1442-1459) sửa-sang khuôn phép, theo công nghiệp tổ bày mưu hoạch, lấy nho thuật mà phấn-sức việc trị bình, lấy nhân-hậu mà bồi-bổ quốc-mạch, cách thi lấy học-trò, hết thảy kính theo phép cũ.

« Nay hoàng Thượng lâm sáng thêm cơ-đồ nhớn, gánh vác mệnh to, tiếng nhân-nghĩa vang lừng bờ cõi, văn-trị võ-công trước sau sáng tỏ. Giáo hóa đến thế là rực-rỡ, nguyên-khí đến thế là dầy-dặn, văn giáo sinh ra đầy dẫy, nho-phong phấn-chấn chứa-chan. Cho nên nhân-tài sản xuất đều hớn hở như chim đều bay trên giời, như kiến bò vòng dưới đất. Chẳng một người nào là chẳng khoái chí như chim bằng bay, phấn thân như beo dạy, để được cái may mắn trông thấy đời thịnh. *Còn nữa*

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

Các bạn cầu may !
bỏ 1 đồng
mua vé số
Đông-Pháp
biết đâu không trúng
số độc đắc 10 vạn

Thống chế Pétain đã nói:
« Nhân-dân nước Pháp phải ủng-hộ Chính-phủ mà Bản-chức đương cầm đầu trong buổi đau thương, phải dẹp nỗi lo sợ mà tin tưởng đến Quốc-vận ».

Một đoạn kịch bằng thơ

Vua Lê Chiêu-Thống

PHAN KHẮC-KHOAN

CÁC VAI : Vua Lê, Như - Tùng và hai thị-vệ

Trong An nam dinh bên Tàu :

Cảnh sơ sài và u tịch. Vua Lê nằm trên sập rồng dựa lưng vào một chồng gối. Như-Tùng chầu chực bên cạnh. Hai bên thị vệ đứng hầu : một cầm quạt, một bưng chén thuốc. Gần đấy, một hương án trên có lư trầm và đèn nến. Vua Lê rất mệt, nhưng cũng gắng gượng.

Lê-Chiêu-Thống

Chư khanh ơi, trải bao lần kham khổ,
Vua tôi cùng phiêu bạt đến quê người,
Mong xây lại cơ đồ đương sụp đổ
Cho trong ngoài trăm họ được yên vui.
Nhưng ngán nỗi trời cao không đoái tưởng,
Để vận nhà sụy đến nước lâm nguy ;
Đây thân thế tòng vong đa vất vưởng,
Riêng trẫm còn đau chịu cảnh sầu bi.
Hồn trẫm sẽ bay về nơi cực lạc,
Hay sẽ về u uất dưới diêm cung ?
Nhưng các người trên đường trần tản mạc,
Biết bao giờ qua khỏi bước lao lung ?

(Lờ đờ, ngừng lại một tý, rồi lại tiếp)

Chư khách ơi, đây phòng sao lặng lẽ,
Đâu ngôi vàng chói lọi của nhà Lê?
Và non nước hơn nghìn năm rực vẻ
Không còn mong thấy trẫm lại quay về.

(Lại ngừng, rồi với làn mắt xa xôi, lại tiếp nữa)

Bao lâu nay, nơi phương trời lận đận,
Trẫm hằng mong nhớ tưởng tới Hoàng-phi ;
Ái-phi ơi, bao giờ nguôi nỗi hận.
Đã vì ta lâm phải bước lưu-ly !
Khi sắp phải xa hồn thân gói liệm,
Ta chỉ còn mong gặp gỡ được Hoàng-phi.
Còn đâu kẻ chung tình âu yếm
Lau giùm ta đôi giọt lệ lâm ly !

(Tiếng nghẹn-ngào. Những người hầu cận cảm động hơn nữa, trông rất rũ rợi).

Đây chiếc nhẫn kim cương lồng ngọc bích,
Xin trao người gởi lại Hoàng-phi,
Xin trao lại cho Người, đây vết tích
Của lòng ta không một chút suy vi...

(Trao nhẫn cho Như-Tùng, rồi lờ-đờ và mệt-mỏi lắm, toan ngã mềm xuống. Như-Tùng ghé lại đỡ : nhưng ngài vẫn gắng-gượng)

Thế là hết còn đâu !.. còn đâu ôi vận hội,
Đâu cơ - đồ khai sáng của tiên vương !
Trời rực-rỡ vừng dương vừa chói-lọi,
Bỗng mây dày đêm xẫm bóng thê-lương.
Thế là hết, ôi trung thần, nghĩa sĩ
Đã từng quên tính-mệnh giúp quân-vương !
Trẫm xin cúi đội mang ơn hùng-vĩ
Khi linh hồn siêu thoát chốn tha hương.

(Đến đây, vua Lê hết sức mệt, ra hiệu cho Như-Tùng đặt ngài nằm xuống. Rồi hình như tỉnh táo lại, Ngài cáo giọng...)

Chư khánh ơi, hãy lên đèn sáng tỏ,
Đốt hương trầm cho nghi-ngút trời cao ;
Cho thăm-thẳm chín từng xanh thấu rõ,
Cho hồn ta chóng thoát được phiêu-dao...

(Vua Lê thăng hà. Hai thị vệ gục xuống khóc nức-nở. Như Tùng đau-đớn hoảng-hốt, đứng nghẹn-ngào một giây lâu)

Như Tùng

Đây đất khách hoang mang lòng cảm xúc,
Đây lư trầm man-mác tỏa tuôn hương ;
Đây gió lịm trong xương mờ rộn khóc
Đưa linh - hồn u - uất của quân vương.
Quân vương ơi, nơi quê người ảm đạm,
Bầy tôi trung đương nung-nấu cả tim gan ;
Tưởng đất khách cùng nhau nương-náu tạm,
Nhưng thôi rồi ! hi vọng của giang san !

(Ngừng lại một lúc, vẻ ngơ-ngác, rồi như điên cuồng)

Con bà ho
Nhất là HO GÀ
Thuốc ho gia đình
Tổng phát hành
Nhà thuốc Tuệ-Tĩnh
53, rue Auvergne VINH

Non nước hỡi !
Đây ngẫm phận truy-tùy ngao ngán nỗi,
Đây than ôi ! minh đế đã thăng hà
Nơi quê người cảnh lạ nước non xa !
Sao lạ quá, vừng dương còn chói lọi ?
Sao biển cả không tan thành hơi khói ?
Sao mây sầu không che kín không gian?
Sao muôn sông không dâng nước cả tuôn tràn
Cho ngập hết đồi cao cùng núi rậm ?
Sao rừng nặng không vang lừng muôn tiếng sấm,
Gió hung tàn không vứt ngã hết muôn cây ?
Sao vũ cầu không điên đảo một cơn say ?
Sao quả đất không phun thành muôn núi lửa
Cho tan hết không còn tươi sáng nữa,
Cho tắt nguồn rực rỡ của muôn sao,
Cho tan hoang Bắc-đẩu với Nam-tào,
Khi nghiệp lớn không còn cơ thắng đạt ?

(Đến đây, Như-Tùng kiệt lực, mắt lờ đờ, rồi cũng dần dần gục xuống)

PHAN KHẮC-KHOAN

(Rút trong vở kịch dài bằng thơ : « *Phạm Thái* »)

TÙY HỨNG

Hồ sương

Ai đem sương đổ đầy hồ,
Lưng cầu trĩu nặng, dịp mờ vẻ son.
Lê-thê liễu thả tơ buồn :
Một bầy con gái tóc buông quanh bờ,
Tháp Rùa soi bóng bơ-vơ,
Vươn cao bút đá đề thơ ngang trời.
— Con thuyền ai vớt lá rơi ?
Hứng cho tôi hạt sương mai đầu cành,
Để tôi thả xuống hồ xanh,
Trăng gương in bóng kinh-thành ngàn xưa...

NGUYỄN ĐAN TÂM

Cánh hoa bay

Mỗi độ xuân về phầy bụi mưa,
Là tôi lại nhớ tới năm xưa,
Những năm còn bé chơi tam-cúc
Với mấy cô cùng tiểu một tuổi thơ.
Bây giờ vườn mới, hương xuân cũ
Tản-mác phương trời, biết chốn nao!
Tôi khóc, nhìn xuân, mưa ủ-rũ,
Bứt từng cánh một cánh hoa đào,
Những cánh hoa bay, ấy bóng người
Đã cùng tôi hưởng thủ xuân tươi.
Cùng tôi chơi nói không e-thẹn,
Đã bỏ tôi đi mất cả rồi...

MINH-TUYỀN

Ngày xuân

Xuân còn rét, đầy giời mây vần trắng;
Mưa phùn bay, ngang căng tấm vải màn.
Khách qua lại, lờ-mờ trông thấp-thoáng,
Trên mặt đường bóng nhoáng mỡ xuân trơn.
Đào trước ngõ thêu bông màu đỏ mát
Trên cành già, mới trổ lá non xanh.
Lan bạch-ngọc dăm giò hương thoảng ngát,
Lẫn hương trầm vấn-vít trước mành-mành.
Ngày gần ngọ, mặt giời tươi-tỉnh mở,
Mây đã quang, mưa cũng tạnh dần dần.
Đường se se, người đi đông như chợ,
Mặt vui mừng, già trẻ hưởng ngày xuân.

CÁCH-CHI

Hát ví vùng Bắc-giang

Giang-bắc phong-lưu chuyện nực cười,
Mùa xuân đình-đám vi-von chơi !
Trai thì trang điểm màu xinh-lịch,
Gái cũng khoe khoang vẻ tốt tươi.
Há phải Nhân-hoàng còn trị nước,
Hay là Viêm-đế vẫn truyền ngôi ?
Cho nên bốn bể đua tranh thế !
Giang-bắc phong-lưu chuyện nực cười !

TRỊNH NHƯ TẤU

Buổi tối...

Hai dẫy song song màn bỏ rũ
Vừa vừa nho nhỏ một đường đi.
Cửa đóng im lìm như giấc ngủ
Còn đang ấp ủ tuổi xuân-thì...
Ánh đèn dìu dịu mầu xanh mơ
Nhẹ nhàng buông xa ánh sáng mờ
Hơi thở đều đều theo nhịp điệu,
Có ai trong giấc còn đang mơ ?

Cô CẨM-LAI (Huế)

VŨ NGỌC PHAN—HUY CẬN—XUÂN DIỆU—TRỌNG LANG—PHIÊU LINH TÔ HOÀI—TRẦN THANH MẠI — VỊ HỒ—ĐỖ ĐỨC THU—MẠNH PHÚ TƯ và nhiều nhà văn cỏ tài khác trong một nhà xuất bản đứng đắn, đáng tin cậy.

" mới "

57 Phúc Kiến—Hànội

Tất cả tinh hoa của văn chương Việt-nam hiện-đại

THÁNG MAI

KINH CẦU TỰ

tập văn xuôi đầu tiên của HUY CẬN

Giá 0p.85

(có in thêm một loại sách đẹp bằng giấy gió và vergé giá 3p.50 một bản các bạn chơi sách, xin gửi tiền về trước).

TIÊU NHIÊN MỊ CƠ

phóng tác của VŨ NGỌC PHAN

Giá 1p.25

theo tập Le roman de Tristan et Iseult câu truyện tình hay nhất thế giới của các thời đại.

THÁNG JUIN

Lầm tiền

phóng sự của TRỌNG LANG

Con nhà nghèo

tiểu thuyết của PHIÊU LINH

Nota — Vì số sách in ra chỉ có hạn, nên mỗi tỉnh chỉ để một đại lý độc quyền. Đại lý nào muốn có sách bán, xin kíp viết thư về thương lượng.

Nghề xuất bản

tiếp theo trang 15

cão-thượng và nhân chân cái nhiệm-vụ của mình chứng nào thì lại càng nghèo chứng ấy (tiếng vỗ tay nhiệt liệt hoan nghênh của số đông các nhà văn, nhà báo trong đám thính-giả).

Vì vậy nhà xuất bản cần phải có. Nếu không, những tác-phẩm của các văn nhân ít khi được nhiều người biết đến và xã hội sẽ bị nạn *«thiếu món ăn cho tinh-thần»*. Theo diễn giả, *cái nghèo về tri-thức còn nguy hiểm hơn, còn lầm tai-ương hơn cho một dân tộc là cái nghèo về tiền tài »* (bết thảy các thính-giả đều vỗ tay).

Nhưng nhiệm-vụ của các nhà xuất bản là phải thế nào? Có phải chỉ cho in những truyện kiếm hiệp, những dâm thư để trục lợi như phần đông các nhà xuất bản ở xứ ta không?

Diễn giả trả lời: Không. Rồi lần theo Georges Lecomte, ông định nghĩa thế nào là một xuất bản cục?

«Xuất bản cục là một người có « đức tính Xuất bản cục có một linh « hồn, cái dĩ vãng của nó định đoạt đến « tương lai của nó. Cái cửa hàng của « nó phải là một tấm cờ trên hoàn cầu, « và cờ ấy có ngụ một ý nghĩa ».

Rồi ông nói đến cái vinh, cái nhục của nghề mình mà than-phiền cho phần đông bạn đồng nghiệp ông đã quá vụ lợi mà lãng bỏ danh-dự cao quý của nghề.

« Cái nhục, cái vinh của nghề là ở chỗ tác phẩm in ra có giá-trị hay không có giá trị » (tiếng vỗ tay ở vài hàng ghế, tiếng sì-sào ở cuối phòng).

Nhắc lại một câu của Gide và Valéry, diễn-giả nói lớn: *« Tôi xuất bản để xuất bản, tôi chỉ xuất bản cho những người nào biết đọc* (Một bạn trẻ trong văn giới rỉ tai tôi với một nụ cười: Như ông Mai-Lĩnh chẳng hạn).

So-sánh nghề xuất bản ở nước ta với các nước Âu, Mỹ, ông thấy nó thấp kém một cách rõ-rệt và tìm thấy ba nguyên-nhân: nạn thiếu nguyên-liệu, kỹ nghệ ấn loát còn trong thời-kỳ ấu-trĩ và dân trí còn quá ư thấp-kém.

Bàn đến nhân tài của đất nước, ông Mai-Lĩnh tỏ vẻ bi-quan và than phiền cho những thanh niên tân-học đã từng có những văn-bằng cao cấp, các *« ông tiến-sĩ, cử-nhân, kỹ-sư hay thạc-sĩ »* sau khi thành tài cũng im hơi lặng tiếng, nên chúng ta chưa có những triết-học-gia, hoặc những nhà tư-tưởng xuất chúng (tiếng vỗ tay nhiệt-liệt hoan-nghênh trong hai phút khắp các hàng thính-giả, trừ vài thanh-niên có bằng cao cấp có mặt tại phòng).

Không những thế, ở xã-hội ta phần đông lại lãnh-đạm với việc xem báo, mua sách và các nhà xuất-bản hay bị cái nạn các đại-lý *« quỵ tiền »* tiếng cười ran khắp phòng).

Ông tự hỏi nếu những xuất bản gia có tiếng ở bên Pháp như Flammarion, Nelson, Hachette, nếu lập nghiệp ở đất Nam nay, liệu với những trở lực như trên, có sớm phải *« thanh toán »* mà mau cuốn gói không?

Tuy vậy diễn giả không hoàn toàn thất vọng và tin rằng ở nước ta nghề xuất bản trong một ngày rất gần sẽ có một tương-lai rực-rỡ.

Nhưng hiện nay, theo ý ông, việc cần-thiết là phải bài-trừ những thói xấu ở phải trí-thức keo-bẩn hay mượn sách, thuê báo, phải gây trong dân-gian cái hứng-thú đọc sách, chơi sách mỹ-thuật và phải phổ-thông sự truyền-bá tư-tưởng âu tây trong đám bình-dân.

Kết luận, ông rất mong có nhiều xuất bản cục lớn ra đời và khi đó chúng ta mới có hy-vọng lập lên một *Quốc-gia thư-viện*. (một tràng vỗ tay dài kết thúc cuộc nói chuyện và chào diễn-giả).

◆

Vài điều nói thêm

Trong hơn một tiếng đồng-hồ, ông Mai-Lĩnh đã đứng nói một cách rất lưu-loát và ít khi nhìn vào bản thảo. Tiếng nói ông trong trẻo và rành-mạch, nên khi lên bổng, lúc xuống trầm, các thính-giả đều đã lĩnh-hội được những đoạn ông thiết-tha kêu gọi sự chú ý của mọi người.

Như độc-giả vừa thấy, bài diễn-văn của ông có một sự liên-tiếp rõ-ràng khúc-triết: đoạn đầu, ông giảng nghĩa nghề xuất-bản với những nhiệm-vụ của nó; đoạn giữa, những trở-lực của nghề; và đoạn kết, những sự mong-đợi của ông về nghề mình với sự tiến-hóa của đất nước.

Người diễn, nếu là một văn nhân, thì tôi không đòi gì hơn nữa, nhưng là một nhà xuất bản, là ông Mai-Lĩnh đã từng lăn lộn với nghề thì tôi muốn ông nói thêm một cách rõ ràng những cái vinh, cái nhục của nghề bán chữ, buôn văn. Tôi muốn ông cho mọi người biết nhiều hơn nữa về những nỗi khổ tâm của một nhà xuất bản với những sự cạnh-tranh đê-hèn, bỉ ổi của các đồng-nghiệp.

Còn gì hứng thú cho các thính giả bằng sự lột mặt nạ những con chiên ghẻ trong nghề xuất bản, bằng sự đem phơi ra ánh sáng những mánh-lới xảo-quyệt vô lương tâm, vô nhân-đạo của những quân chỉ biết tối mắt vì tiền, chỉ biết nô lệ cho những hành-vi ti-tiện!

Ai rõ những hành-vi đó? Ai đã phải đau lòng vì những bọn người vô-lương chuyên môn bôi nhọ nghề xuất bản? Tôi tưởng chỉ có những người trong nghề mới nhìn nhận được một cách tinh-tường.

∴

Trước khi đừng bút, tôi cần yêu cầu với các hội như Tri-Tri, Khai-Trí hoặc các hội khác: Mỗi khi tổ-chức một cuộc nói chuyện, nên nhớ tới chúng tôi là những nhà báo mà dành cho chỗ ngồi bên tấm biển có đề *« chỗ ngồi các nhà báo »* để chúng tôi tiện các công-việc ghi chép tài-liệu để làm bài tường-thuật.

Làm như vậy, chúng tôi đỡ phải chen chúc và sẽ có cảm-tưởng rằng: ở xã hội ta, những nhà báo chúng tôi, mặc dầu đã cam chịu nhiều điều hy-sinh, nhưng vẫn được giới tri-thức ở đây không lãng quên trong những cuộc họp mặt.

Vì, ở xã hội ta hiện thời, muốn đánh đổ những thành kiến coi rẻ cái nghề viết văn, viết báo, cần phải có những cử-chỉ khả ái để nâng cao nghề đó ngang với sự cao quý của nó.

PHẠM-MẠNH-PHAN

THOÁT CUNG VUA MẠC

Số 17

CHU-THIÊN viết

LIÊN-TƯỜNG và Lệ-Kim đã sắp sẵn từ trước, ăn mặc cực kỳ chải-chuốt, lại thêm nai-nịt gọn-gàng cho ra vẻ vị nữ-soái để lên đàn được dễ-dàng. Khi bọn nữ-tỳ rước hai nàng ra đến đàn thì đã thấy đông-đủ các đầu-lĩnh lâu-la trong trại. Chúng ăn mặc rất chỉnh-tề đứng vây quanh đàn. Lý-Trang mặc võ-phục rất oai nghiêm tiến lên trước cúi đầu chào hai nàng. Hai nàng cũng tươi cười vái chào lại rồi, theo Lý đi thẳng vào đàn. Ba tên đầu lĩnh cung-kính bưng mỗi tên một thanh kiếm dâng lên và chúc :

— Toàn-trại thượng hạ bái chúc đại vương cùng với nhị vị phu-nhân bách niên giai lão :

Tức thời một tràng pháo nổ tiếp theo lời nói ấy. Lý-Trang tươi-cười hớn-hở cầm lấy một thanh kiếm. Liên-Tường và Lệ-Kim cũng mỗi người cầm một thanh, rồi hong-thả bước lên đàn. Trong khi ấy chiêng, trống, bát âm đồng thời nổi vang inh-ỏi. Lên đến trên đàn thượng, mỗi người đều rút kiếm ở bao ra. Lệ-Kim khiêm-tốn nói :

— Xin đại-vương làm lễ cầu-nguyện thành thân với chị Liên-Tường trước vì chị ấy trẻ hơn, đẹp hơn, hiền-hậu hơn, tôi xin nhường chị làm chánh-cung.

Liên-Tường cũng giả vờ nhường-nhịn không chịu nhận, nhưng Lý-Trang thấy Lệ-Kim nói phải, hẳn yêu quý Liên-Tường hơn, nên nhất-định cùng nàng chỉ kiếm thề trước. Liên-Tường cũng phải chiều lòng. Tức thời hai thanh kiếm song-song chỉ lên giời. Lý-Trang lầm-bầm khấn trước :

— Tôi là Lý-Trang, chủ trại Mục-sơn, Hùng-uy đại vương, nguyện cùng Giời Đất...

Bỗng nhanh như cắt, Lệ-Kim đứng ở đằng sau đưa luôn thanh kiếm ngang cổ Lý-Trang khiến hắn nói chưa hết câu, đầu đã rơi lìa khỏi xác, chết không kịp thở. Dưới sân, các lâu-la đương vui vẻ trò chuyện bỗng thấy cái đầu chủ-tướng rơi xuống rồi tiếp luôn cái thây sẹp ngã đánh ầm một cái, thảy đều tạng đởm, kinh hồn, hoảng-sợ. Qua một phút kinh-ngạc, lũ đầu lĩnh lâu-la mới kịp nghĩ bao thù cho chủ, liền la-o xum-xít lại, chực vây bắt hai nàng. Nhưng Lệ-Kim đã nhảy tót xuống dưới đất, mua kiếm chong đỡ và hét :

— Đứa nào muốn khỏi rụng đầu thì đứng im !

Bọn lâu-la coi thường, cứ xúm lại. Lệ-Kim liền mua kiếm ra sức đánh đuổi chém giết được mươi tên cứ-khôi, và đánh nhiều đứa bị thương. Chúng thấy vậy đều hồn xiêu phách lạc, chạy tan loạn cả. Sau nghĩ sao, chúng lại tụ-tập sụp lậy trước mặt nàng, kêu rằng :

— Trăm lậy phu-nhân, phu-nhân thật là thần-dũng ! Ngày nay chủ-tướng chúng con đã mất rồi, xin tôn phu-nhân lên làm chúa trại, cho lũ chúng con có chúa mà thờ, và có người truyền lệnh cho.

Lệ-Kim nghiêm-nghị nói :

— Ta giết tên gian-tặc Lý-Trang này không phải vì thù riêng mà là vì lợi ích chung cho dân nước, và để trừ một tên hung-ác hay hành-hạ cả bộ-hạ trung-thành. Nay lũ mi đã có lòng suy-tôn, ta cũng nhận lời. Nhưng ở với ta thì phải theo luật lệnh nghiêm-minh, trừ khi có lệnh ta sai khiến, còn thì không được hoành hành cướp bóc. Bằng trái mạng ta sẽ chém đầu !

Bọn lâu-la đồng thanh vâng lệnh. Lệ-Kim liền bắt đưa sổ sách ra để kiểm-soát lại kho-tàng, điểm-duyệt lại các lâu-la, rồi sai giỡ đàn đi... và mai táng cho Lý-Trang. Xong đâu đấy, nàng lại sai giết trâu lợn, mở tiệc rượu khao quân để nhận chức.

Từ đó Lệ-Kim thành chúa trại Mục-sơn.

III

Sống yên-ổn ở trại Mục-sơn đã hơn hai tháng, Lệ-Kim và Liên-Tường được hết thảy bọn lâu-la đều kính-trọng và mến-yêu. Nhưng Liên-Tường vẫn tỏ vẻ lo-lắng. Một hôm, nàng nói nhỏ với Lệ-Kim rằng :

— Chị em ta phải kịp dời bỏ chốn này chứ ! ở lâu em sợ có ngày sinh tai họa !

Lệ-Kim tươi cười đáp :

— Xin tiểu-thư chớ nên nóng-nẩy vội-vàng. Điều đó, tôi vẫn đã lo tính từ lâu, chỉ vì chưa tiện dịp thi-hành đó thôi. Tôi sở-dĩ nấn-ná đến hai tháng giời nay, là muốn xem tin-tức ở ngoài ra làm sao và muốn làm cho đám lâu-la này chân-tâm thành phục mình đã. Rồi sau ta có đi khỏi chốn này, chúng mới không dám nghi-ngờ mà làm ngăn-trở. Chứ tiểu-thư tính ở đây

mãi mà làm gì ? Vạn bất-đắc-dĩ cả đấy !

Liên-Tường nghe nói cũng được yên lòng chớ đợi và càng thêm phục Lệ-Kim cao kiến hơn mình.

Ngày tháng đều-đều trôi được mười lăm ngày nữa Một buổi sáng Lệ-Kim dậy sớm đánh thức Liên-Tường bảo rằng :

— Tiểu-thư ạ, tôi nghĩ đã đến lúc chúng ta *nhổ trại* được rồi đây.

Liên-Tường vừa mừng vừa ngái ngủ hỏi lại :

— Lại còn nhổ cả trại đi kia à ? Tôi tưởng đi lấy thân mình thôi chứ !

Lệ-Kim cười nói :

— Gớm ! lại còn đùa nữa kia đấy. Tỉnh mau, ta bàn «quân-quốc đại-sự » !

Liên-Tường cười nũng-nịu :

— Em tỉnh rồi. Nào bàn « đại-sự » đi.

Hai nàng cùng cười, ngồi ngay ở trên giường bàn việc. Hai người qua cẩn-thận thì-thầm với nhau. Lệ-Kim ghé vào tai nói trước. Rồi Liên Tường lại vin cổ Lệ-Kim xuống để miệng vào tai nói nhỏ hồi lâu. Đến hai ba lần như thế. Hai nàng đã thành thân-mật đu-đỡn như hai đứa trẻ ngây thơ vừa thức dậy, nô trên giường ngủ, trước khi có người nhơn đến rước. Bỗng Lệ-Kim vùng dậy, bước xuống giường hỏi :

— Như thế được chứ ? Ta cứ thế ?...

Liên-Tường vui-vẻ đáp :

— Được ! Ta cứ thế !

Lệ-Kim liền tự thân ra nhà công-đồng, đánh sáu tiếng công gọi quân trại. Một lúc sau, quản trại đã chạy lên khép-nép quỳ dưới thềm thưa :

— Lạy tâu nữ-chúa đại - vương ! Đại-vương có lệnh truyền ?

Lệ-Kim nghiêm nghị nói :

— Anh xuống bảo tất cả đầu-mục đàn-anh trong trại cuối giờ Mão phải tề-tựu cả ở đây. Ta có điều cần bảo. Và truyền cho mọi lâu-la, hôm nay phải ở nhà cả, không có lệnh ta thì không đứa nào được đi đâu, Nghe !

— Lạy tâu nữ chúa đại-vương, vâng ạ !

Quản trại đáp vậy rồi dón-dén lui xuống. Lệ-Kim cũng trở về phòng giục Liên-Tường ăn mặc gọn-gàng mau để ra họp hội-đồng. Vừa bước vào, đã thấy Liên - Tường hùng-dũng trong bộ áo binh phục nẹt lấy mình, trông càng thêm rắn rỏi và đẹp-đẽ, Lệ-Kim thốt ra nhời khen :

— Tiểu thư hôm nay nhanh và đẹp quá nhỉ ?

Liên Tường cung kính đáp :

— Bẩm lệnh trên nữ chúa truyền xuống, ai mà dám cưỡng.

— Được ! cho phép đi ra !

Lệ-Kim mỉm cười nói vậy, rồi cũng đi lấy quần áo mặc vào. Xong đâu đấy hai nàng cầm kiếm đi ra nhà công-đồng. Thoáng thấy bóng hai nàng, một tên lâu la đứng cạnh liền đánh ba tiếng cồng báo hiệu. Tức thì cả bọn đầu-mục đàn anh đều qui phủ-phục xuống đất tung hô :

— Bái chúc nhị vị nữ - chúa đại-vương vạn tuế !

Hai nàng đĩnh-đạc bước lên hai cái kỷ cao ở gian giữa và truyền xuống cho mọi người đứng dậy.

Liên-Tường nhanh nhẹn bảo :

— Cho các anh ngồi cả lên các ghế hai bên tả, hữu này. Theo thứ-tự mà ngồi.

Bọn kia lặng-lẽ tuân lệnh. Khi ai nấy đã ngồi yên vị rồi, nàng nhìn khắp lượt rồi hỏi :

— Còn thiếu ai không nhỉ ?

Một tên đầu-mục đứng lên chắp tay cúi đầu thưa :

— Lạy tâu hai nữ-chúa đại-vương, bẩm còn thiếu ba đầu mục đại-tướng cai-quản toán rừng Thông, rừng Trúc, rừng Hồi nữa ạ ! Ba anh ấy vừa xuống núi sớm. Chúng con đã cho đi gọi rồi. Cũng sắp lên đến nơi ạ.

Lệ-Kim nói :

— Thôi được, họ lên sau. Các anh sẽ bảo cho họ biết. Hôm nay nhân là ngày kỵ-nhật sư-phụ chị em ta, ta phải sửa một lễ-phẩm tinh-khiết để hoài tưởng đến người. Vậy nhân tiện chị em ta muốn trong quân cùng vui, nên truyền xuống cho các anh bảo tất cả các lâu-la trong trại đều nghỉ việc ở nhà, để giết trâu bò lợn gà làm tiệc cho tất cả anh em trong trại ăn uống no say một bữa.

Lệ Kim ngừng lại, Liên-tường nối.

— Quản kho đưa sổ lên đây ta soát lại xem trong kho có thiếu thứ gì không. Và các anh em thử tính xem trong trại ta hôm nay ăn một bữa no nê thì phải hóa kiếp bao nhiêu trâu, bò, dê, lợn cho đủ và cả số rượu nữa.

Quản kho vội đứng lên xin phép về kho lấy sổ. Trong khi ấy thì mọi đầu mục đều bấm đốt ngón tay tính nhẩm. Một lúc sau, một tên già nhất đứng lên chắp tay cúi đầu kính cẩn thưa :

— Lạy tâu hai vị nữ chúa đại vương, cứ như chúng con lượng tính, số lâu la trong trại ta kể cả đầu-mục có chín trăm tám mươi sáu người, như thế mà ăn uống cho no say thì phải bốn trâu, sáu bò, mười dê, mười tám lợn và trăm rưởi vò rượu !

Một người khác nữa đứng lên thưa :

— Lạy tâu hai vị nữ chúa đại vương, bẩm trăm rưởi vò rượu nhiều quá, uống không hết ạ ! Đồ đồng cứ mười người một vò là đủ.

Tên đầu-mục già vội cãi :

— Lạy tâu hai vị nữ chúa, có ít rượu như anh ấy thì mới mười người một vò...

Rồi quay xuống nhìn khắp bọn đầu mục, lão nói tiếp :

— Hôm nay chúa trại cho anh em uống kỳ say kia mà !

Liên-Tường cười, nói :

— Được ! anh già nói chí lý đấy, hôm nay cho anh em uống no say, hết bao nhiêu cũng được.

Lệ-Kim thấy quản kho lên vội truyền :

— Đưa lại đây ta xem. Kia, anh già nói lại số lợn rượu cho quản kho xem trong kho có còn đủ không hay thiếu ?

Còn nữa

CHU-THIÊN

NGUYỄN-NGHIỄM

Cụ Nguyễn-Nghiễm, hiệu là Nghị-hiên, lại có biệt hiệu là Hồng-ngự cư-sĩ, người làng Tiên-điền, huyện Nghi-xuân, tỉnh Hà-tĩnh. Cụ sinh đời Lê Dụ-tông Vĩnh-thịnh năm thứ tư (1708); mười sáu tuổi, thi hương, đậu cử-nhân; hai mươi bốn tuổi, thi hội, đậu nhị-giáp tiến-sĩ. Cụ sau làm quan đến Đại-tư-đồ, xuất tướng nhập tướng, tước Trung-cần-công, hiển hách gần 20 năm. Ai đã từng đọc Quốc-sử, chắc cũng phải biết đến cụ. Sách của cụ trước tác cũng nhiều, như những tập: *Quân-trung liên-vịnh, Xuân-đình tạp-vịnh, Việt-sử bị-lãm*, nhưng ngày nay thất truyền cả. Cụ được 12 người con; con cả là Nguyễn-Khản đỗ đồng-tiến-sĩ làm quan đến Tham-tụng đồng thời với cụ. Người con thứ bảy là Nguyễn-Du tiên-sinh trước-giả truyện Kiều.

Dưới đây là bài phú của cụ Nguyễn-Nghiễm.

Bài phú « Khổng-tử mộng Chu-công »

Cơ đâu chuyển vận, lý thực cảm thông, khác thuở điềm xưa Hiên-hậu, lạ chưng giấc mộng Cao-tông; gánh cương-thường nhậm lấy một mình, khá khen Phu-tử; thuở mộng-mỵ dường bằng có ý, bên thấy Chu-công.

Nguyên từ: quang nhạc xuống linh, bề giông cấu khí, non Ni-sơn sớm ứng trinh-tường, làng Khuyết-lý trỏ sinh thánh trí; hiến chương một đạo, rắp theo đời dấu cũ Văn-vương; mộng mỵ đời phen, còn tưởng tượng đời xưa Trủng-tể.

Chưng khi ấy, song mai lúc vắng, đèn hạnh đêm nhàn, ngẩng mặt lòng kia còn tưởng, gối tay giấc nọ vừa an; trên kỷ-tịch mơ-màng, nửa tự cồn-g ngồi chầm-chầm, trước môn-tường phảng-phất, dường màu xích-tích bước khoan-khoan. Nghĩa bình tố chưa từng quen thuộc, giấc chiêm bao sao khéo bàn hoàn.

Thấy đâu chỉ đã hẹn-hò, lòng còn dan-díu, xa xôi tay cách trăm năm, sau trước cũng về một đạo. gồm ba vua ra bốn việc, nên Thái-hòa mong trở gót Thành Khang. Vừa chẵn thảng trải ba năm, đời chỉ-trị rắp lại miền Phong Kiều, lo lường khôn xiết tư lương, mộng mỵ xẩy nên rẫm triệu.

Vì dầu lòng trời muốn trị, đạo thánh gặp thì; quyền chính giáo mặc dầu cất đặt, việc quốc-gia chỉn được thi-vi; chuyền máy thiêng biến Lỗ biến Tề, sao liệt quốc lại chầu về bắc; ra tay giúp làm vương làm đế, vác Thành-Chu đi trở sang tây. Thời tiết ấy đặng công-nghiệp ấy, chiêm-bao kia phỉ chí-khí kia.

Nài bao, càng đạt mặc giời, thịnh suy có số; chí cả kia mong rắp ra làm, nước hầu nọ lại hay quyền chủ; đường xe ngựa quê người dặm khách, luống trải qua Lỗ, Vệ, Tống, Trần; tiết hồi minh sớm gió tối mưa, khôn đem lại Thành, Khang, Văn, Võ.

Vậy khiến: thương lân sài-sụt, thân phượng nghêu-ngao; thời chưa gặp thánh-nhân đã vậy, đạo chẳng dàng thiên-hạ làm sao! Hai trăm lẻ xuân thu, mới biết trị-bình chẳng dễ; bảy mươi thừa tuế nguyệt, thêm tuần tuổi-tác càng cao! Mọi nỗi luống xui than thở, bấy lâu vắng thấy chiêm bao.

Song le, danh sánh giời dài, đức so bể rộng; vì muôn đời mở tượng thái-bình, gộp bầy thánh ngên nguyên đạo thống. Tay thiều Tề, Khánh Vệ chưa chút đền chi cả ước ao; song thánh đức, văn công, còn để đến đời sau sùng trọng. Tới nay, ngẩng trông cõn miện, ngảnh kinh thu dương, hãy còn tưởng khi giấc mộng.

VÂN-THẠCH

Một đoạn lịch sử vẻ vang
ấy chuyện lý thú và ly kỳ của
Cụ Nguyên-Hàm-Ninh
Cụ Cao-Bá-Quát
Đức ông Tuy-lý-Vương

Sẽ làm các bạn khoái trá bằng 60 trang văn chương đầy thi vị trong

Đời tài hoa

Một quyển sách rất có giá trị

Giá đặc biệt 0p35

Ở xa gửi bằng tem, thêm 0p10 cước cho: hiệu sách Đông Tây 195 hàng Bông Hanoi.

NHÀ XUẤT BẢN

MAI-LINH

Rue des Pipes Hanoi

Mới in xong

LÃO-TỬ

Một quyển sách

rất có giá trị

Giá 0$80

Nhà thuốc tường đỏ

ĐỨC-PHONG

45, Phố Phúc-kiến Hanoi

Bán buôn đủ thuốc bắc, thuốc nam thuốc sống, bào chế, các thứ sâm.

MỚI PHÁT HÀNH 4 MÓN

Thuốc kinh nghiệm

1· Thuốc bổ thận Đức-phong giá 1p.50
Chữa các chứng thận hư : di tinh, mộng tinh khí hư

2· Thuốc điều kinh bổ huyết Đức-phong giá 1p.20
Kinh nguyệt thấy đều, tăng sức khỏe cho các bà, các cô.

3 Thuốc bo tỳ tiêu cam Đức-phong giá 1p 00
Chữa chứng cam run, thuốc bổ của trẻ em

4· Thuốc đại bổ Đức-phong giá 1p.50
Bổ khí huyết, dưỡng thai, thuốc bổ của nam phụ lão ấu.

CÓ ĐẠI LÝ CÁC NƠI : Hiệu thuốc Đức-tiến. 200 Route de Huế Hanoi, Hiệu thuốc Đức-Mỹ 52 bis Bach-mai Hanoi hiệu Đức-Hưng-ường 437 Ngã-tư Trung-hiền Hanoi, hiệu Mai-Lĩnh 60, 62 Paul Doumer Haiphong, hiệu Mai-Lĩnh 120 Geoges Guynemer Saigon, hiệu Đậu-hiên 81 rue Harmand Hưng-Yên, hiệu Đức-thịnh 126 phố Tiền-An Bắc ninh, nhà Anh-Mỹ 16 phố Hàng Đa Hanoi, Tự-Toàn 14, rue Duvilliers Hanoi, Vu-văn-Kích Avenue Aristide-Briand Boite postales N· 62 PhnomPenh.

THOÁI NHIỆT-TÁN HỒNG-KHÊ

Cảm, sốt, nhức đầu, đau sương đau mình, trẻ con người lớn uống một gó Thoái-Nhiệt-Tán hiệu Phật 12 tay giá 0p.10.

THUỐC KHÍ HƯ

Các bà bị bệnh ra khí hư (sinh bệnh đái hạ) dùng một hộp thuốc khí hư Hồng-Khê số 60 giá 1p.00 uống trong và một hộp thuốc Ninh-Khôn Hoàn Hồng-Khê giá 1p.50.

ĐIỀU KINH DƯỠNG HUYẾT

Các bà các cô kinh không đều máu sấu uống thuốc Điều kinh, dưỡng huyết Hồng-Khê (0p.50 một hộp).

THUỐC « CAI HỒNG-KHÊ »

Không chộn lẫn chất thuốc phiện (nhà đoan đã phân chất), thuốc viên 0p.50 một hộp, thuốc nước 1p.00 một chai.

THUỐC PHONG TÌNH HỒNG-KHÊ

Thuốc lậu Hồng-Khê số 30, mỗi hộp 0p60 ai bị bênh giang mai uống thuốc giang mai số 14.

NHÀ THUỐC HỒNG-KHÊ

Tổng cục : 75 Phố Hàng Bồ. *Chi nhánh* 88 Phố Huế Hanoi và đại-lý các nơi.

Có biếu sách GIA-ĐÌNH Y-DƯỢC và HOA-NGUYỆT CẨMNANG để phòng thân và trị bệnh

Imp. spéciale du Tri-Tân Administrateur-gérant : Dương-Tụ Quán